

THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ

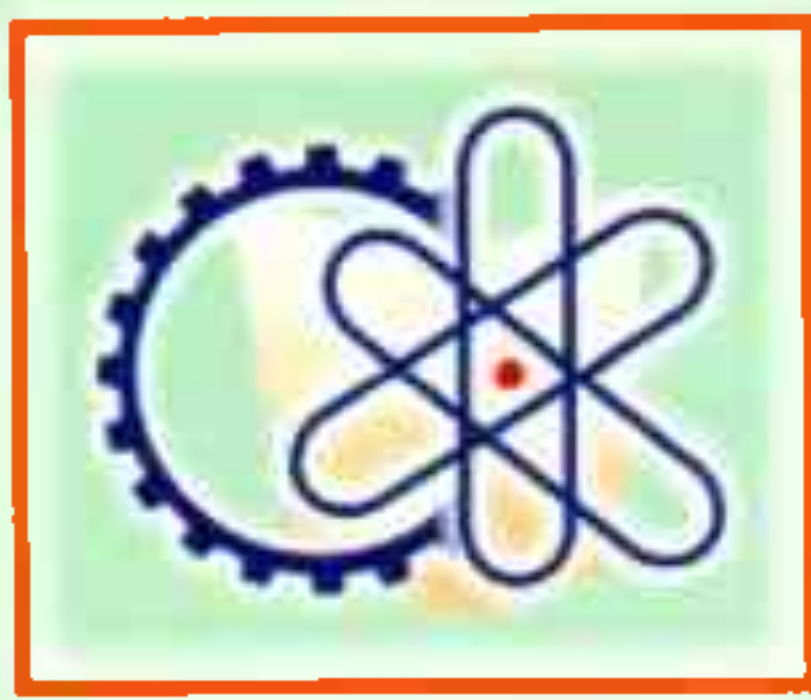


Số 4 - 2007 (58)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.821377



- **Đầu tư Khoa học Công nghệ** cho sản phẩm trọng điểm
- **Đưa nhanh kết quả nghiên cứu Khoa học Công nghệ** vào thực tế cuộc sống
- **Các giải pháp chủ yếu** thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trong tiến trình hội nhập WTO
- **Thương mại công bằng**, một sự lựa chọn khác cho nông dân sản xuất nhỏ



Thông tin

Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

SỐ 4.2007

Tổng biên tập:

NGUYỄN MINH TÂM

Trình bày:

NGUYỄN HỮU THANH TUỆ

Ảnh bìa:

Hội nghị toàn quốc về quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ năm 2007 tại Đà Lạt

TRONG SỐ NÀY

- 1 **Nguyễn Minh Tâm** - Đầu tư khoa học công nghệ cho sản phẩm trọng điểm
- 3 **Thái Văn Long** - Đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tế cuộc sống
- 5 **Quản Hành Quân** - Nâng cao năng lực thử nghiệm phục vụ phát triển và hội nhập
- 7 **Ngô Đình Văn Châu** - Chương trình tiết kiệm năng lượng tỉnh Lâm Đồng
- 9 **Phạm S** - Các giải pháp chủ yếu thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trong tiến trình hội nhập WTO
- 12 Công nghệ cần bán
- 13 **Phạm Thị Nhâm** - Thương mại công bằng, một sự lựa chọn khác cho nông dân sản xuất nhỏ
- 15 **Chu Tuấn** - Vấn đề chất lượng rau an toàn ở Lâm Đồng
- 18 **Hồ Quốc Thanh** - Chất lượng mũ bảo hiểm trên thị trường Lâm Đồng
- 19 **Nguyễn Hữu Nam** - Hội thảo khoa học - triển lãm công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lâm Đồng năm 2007
- 20 **Dương Khải Định** - Hoạt động của các điểm thông tin khoa học công nghệ cấp xã
- 21 **Phan Văn Đát** - Hoạt động khoa học và công nghệ ở cấp huyện thời gian qua
- 23 **Đoàn Quang Huy** - Để hoa Đà Lạt gắn bó với đời sống người dân địa phương
- 25 **Nguyễn Hữu Tranh** - ABC Đà Lạt (bổ sung)
- 27 **Yên Nguyên** - Du lịch cộng đồng - loại hình du lịch hấp dẫn ở Đà Lạt
- 29 **Trần Danh Tài** - Cỏ mực - vị thuốc cầm máu thần diệu
- 30 **Phan Văn Tý** - Kỹ thuật trồng cây Sa nhân
- 31 **Phan Công Du** - Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ bảo quản một số rau, quả tươi tại Đà Lạt



- Mời tham gia Hội nghị của các phân loại địa
- Mời tham gia Hội nghị của Sở Khoa học và Công nghệ
- Mời giới thiệu các sản phẩm của mình ở thị trường trong và ngoài tỉnh
- Mời tham gia Hội nghị cấp huyện của Sở Khoa học và Công nghệ

ĐẦU TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHO SẢN PHẨM TRỌNG ĐIỂM

NGUYỄN MINH TÂM
Sở KH&CN Lâm Đồng

Chúng ta thường thấy các đánh giá khác nhau về hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN). Thông thường người ta đều cho rằng KH&CN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động xã hội. Tuy nhiên, khi nhận xét về hiệu quả của việc đầu tư cho KH&CN trong một giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) cụ thể thì lại không được đánh giá tốt lắm. Nguyên nhân có thể do độ trễ trong ứng dụng kết quả nghiên cứu, cũng có thể là do chưa có các tiêu chí rõ ràng, thống nhất cho việc đánh giá hiệu quả KT-XH của nghiên cứu KH&CN. Đối với các nghiên cứu KH&CN ở địa phương (cấp tỉnh, thành phố) thì hầu hết là nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm, chính vì vậy nó phải bám sát với yêu cầu của phát triển KT-XH của địa phương. Hiệu quả KT-XH của đầu tư KH&CN có thể thấy rõ ràng hơn nếu nó giải quyết được các vấn đề cho các sản phẩm trọng điểm của địa phương trong từng thời kỳ.

Hoạt động KH&CN của tỉnh ta trong khoảng mười năm gần đây có các chuyển biến đáng kể, gần bó hơn với phát triển KT-XH. Nhiều nghiên cứu đã tập trung vào giải quyết các vấn đề để phát triển các sản phẩm trọng điểm của địa phương. Hàng chục đề tài, dự án nghiên cứu về rau, hoa, chè, cà phê, điều,... bao gồm các vấn đề giống, kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh hại, mô hình canh tác an toàn và năng suất,... Các nghiên cứu đã giải quyết khá tốt các yêu cầu phát sinh, nhưng xét về việc triển khai các chủ trương, định hướng phát triển thành các mục tiêu cụ thể cần đầu tư KH&CN thì còn hạn chế. Các nghiên cứu chưa được liên kết thành chương trình KH&CN, nhằm đầu tư một cách hệ thống và thể hiện rõ kết quả cuối cùng. Đó chính là lý do việc đánh giá hiệu quả của đầu tư KH&CN còn hạn chế. Trong báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về hiệu quả triển khai ứng dụng của các đề tài, dự án KH&CN sau nghiệm thu giai đoạn 2003-2006 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng của Hội đồng Nhân dân tỉnh có nhận xét "một số đề tài, dự án chưa đáp ứng tốt các yêu cầu về tính cấp thiết, tính khả

thi và khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Nhiều ngành, địa phương chỉ chọn đăng ký những nhiệm vụ đã có sẵn chứ không phải là nhiệm vụ bức xúc, cần thiết; đến nay vẫn còn không ít ngành và địa phương chưa đề xuất được nhiệm vụ KH&CN hằng năm của ngành và địa phương mình." [1]

Tính hệ thống trong đầu tư KH&CN cho các sản phẩm trọng điểm là yêu cầu quan trọng, nó không chỉ giúp đánh giá hiệu quả việc đầu tư rõ ràng hơn, mà còn đảm bảo cân đối một cách phù hợp các loại hình nghiên cứu về KH&CN. Có nhà khoa học đã nhận xét "chúng ta đang có một nền khoa học ăn đong với món mì ăn liền do quá chú trọng đến những sản phẩm rời rạc, không gắn kết với nhau" [2]. Mặc dù ở địa phương, các đề tài dự án KH&CN không thể không đáp ứng các yêu cầu trước mắt của phát triển KT-XH, nhưng một chương trình hoạch định dài hơi có thể giải quyết vấn đề cân đối các loại hình nghiên cứu. Đó là việc giải quyết một cách liên tục theo chiều sâu cho các sản phẩm trọng điểm, các sản phẩm có lợi thế tương đối với khu vực: từ bước đầu là ứng dụng các công nghệ phù hợp đến nghiên cứu giải quyết các vấn đề thích ứng, vấn đề phát sinh trong ứng dụng, tiếp đến là đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu tạo ra công nghệ, sản phẩm mới... tạo ra sự khác biệt và giá trị gia tăng cho các sản phẩm đó trong quá trình cạnh tranh.

Trong thời gian qua, chúng ta cũng đã có các chương trình KH&CN trọng điểm, song các mục tiêu cuối cùng tập trung cho sản phẩm cụ thể thì thường không rõ. Việc thực hiện cơ chế đề xuất và xác định nhiệm vụ theo Nghị định 81 đã được triển khai khá tốt. Nhưng nếu không đặt ra các mục tiêu cụ thể theo từng thời kỳ, thì tính rời rạc của các nhiệm vụ KH&CN hằng năm lại càng thể hiện rõ. Trách nhiệm đề xuất những nhu cầu cần giải quyết về KH&CN gắn với các nhiệm vụ trọng yếu của ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức đúng [1]. Việc này cũng cần xem xét lại từ khâu tổng hợp kế hoạch gắn với các chủ trương định hướng phát triển KT-XH của tỉnh.

Kinh nghiệm việc quản lý ở các nước tiên tiến như Úc hay Niu-di-lân thì "các đơn đặt hàng không được tiến hành dưới dạng các đề tài riêng biệt hàng năm như ở Việt Nam mà được xây dựng thành các chương trình dài hạn 3-5 năm, từ ý tưởng ban đầu cho đến sản phẩm cuối cùng để có thể ứng dụng đưa vào sản xuất." [3] Các chương trình được chia ra các bước đi có sản phẩm trung gian cụ thể. Ngân sách nhà nước thường được đầu tư cho các nghiên cứu lý thuyết và vốn của doanh nghiệp được đầu tư vào các giai đoạn cuối gắn với ứng dụng. Kinh nghiệm quản lý KHCN của các tỉnh lân cận như Bình Thuận cũng cho thấy: nếu có chương trình đầu tư KHCN cho sản phẩm trọng điểm thì hiệu quả sẽ rõ ràng hơn. Tỉnh Bình Thuận đã có chương trình đầu tư KHCN cho cây Thanh long khá hệ thống, nhờ đó từ một loại cây mới nhưng đã được phát triển khá nhanh, mang lại giá trị kinh tế lớn cho nhà nông và có uy tín trên thị trường.[4]

Từ đó ta thấy đầu tư có hệ thống cho sản phẩm trọng điểm có thể tạo ra sự chuyên biến về kỹ thuật sản xuất và năng suất. Một vấn đề cần lưu ý là ưu tiên đầu tư lập, đầu tư chiều sâu và gắn nghiên cứu với ứng dụng. Cân đối việc đầu tư nghiên cứu mới phải trên cơ sở đánh giá việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu đã được kết luận và nhất là giải quyết tốt mối quan hệ giữa vấn đề nghiên cứu và dự báo yêu cầu của thị trường.

Một số đề xuất nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư KHCN cho các sản phẩm trọng điểm của tỉnh là:

- Xây dựng một số chương trình KHCN cho các sản phẩm trọng điểm cụ thể (ví dụ như sản phẩm hoa cắt cành). Đầu ra xác định rõ được khả năng đưa vào sản xuất hay thị trường (như xây dựng được thương hiệu, quy trình công nghệ, các tiêu chuẩn sản phẩm tương ứng với yêu cầu thị trường...). Từ đó thiết lập được các nhu cầu cần giải quyết về KHCN phù hợp tình trạng sản xuất hiện tại, cũng như dự kiến các nhu cầu cần nghiên cứu để phát triển lâu dài sản phẩm đó. Việc đặt hàng KHCN phải được hoạch định trong khoảng 3-5 năm, nhằm định hướng các tổ chức và cá nhân nghiên cứu. Nhờ đó, các đề xuất sẽ có sự chuẩn bị kỹ hơn, có tính khả thi và đáp ứng được yêu cầu đề ra cao hơn.

- Sự tham gia của các ngành, địa phương và các doanh nghiệp, cũng như vai trò của cơ quan quản lý KHCN cần có các quy định ràng buộc cụ thể. Các ngành quản lý kinh tế kỹ thuật và địa

phương có vai trò chính trong việc triển khai ứng dụng các kết quả, đánh giá giá trị ứng dụng và đặt ra các yêu cầu mới cho các nghiên cứu tiếp theo. Tuy nhiên trước mắt "hàng năm, cần cân đối nguồn kinh phí ứng dụng cho các ngành, các địa phương để thực hiện các kết quả nghiên cứu, nhân rộng mô hình; đối với các đề tài có hiệu quả ứng dụng tốt, cần bổ sung vốn đầy đủ để đầu tư hoàn chỉnh." [1]

- Nâng cao chất lượng hoạt động các Hội đồng KHCN: cần đảm bảo tỷ lệ thành phần các thành viên là nhà quản lý, nhà nghiên cứu và nhà ứng dụng, đảm bảo tính chuyên môn sâu của các chuyên gia. Thực hiện quán triệt tốt nhiệm vụ phát triển KT-XH, các hướng phát triển sản phẩm trọng điểm của địa phương, giải quyết hài hòa các vấn đề kinh tế kỹ thuật trước mắt và lâu dài. Cũng như cần xác định một mức độ hài hòa giữa đầu tư cho các sản phẩm trọng điểm và các nhu cầu phát triển khác, các phát hiện mới có tính mạo hiểm nhưng chứa đựng các tiềm năng. Đảm bảo cung cấp thông tin và quỹ thời gian cần thiết cho việc xem xét tư vấn của chuyên gia: số lượng đề tài cần tham vấn, phân nhóm chi tiết theo chuyên ngành, sự hoàn chỉnh của tài liệu và các thông tin phụ trợ từ cơ quan quản lý KHCN (các đề xuất phải có mô tả kỹ, tình hình các nghiên cứu tương tự hoặc liên quan đã thực hiện).

Tóm lại, để nâng cao hiệu quả đầu tư KHCN cho phát triển KT-XH cần phải làm đúng ngay từ đầu. Hoạch định các chương trình KHCN cho các sản phẩm trọng điểm, nhằm đầu tư một cách hệ thống theo chiều sâu, vừa đảm bảo việc cân đối giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm, vừa thể hiện rõ được tính hiệu quả qua việc bám sát các nhiệm vụ phát triển KT-XH. ■

Tài liệu Tham khảo

1. Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về hiệu quả triển khai ứng dụng của các đề tài, dự án KHCN sau nghiệm thu giai đoạn 2003-2006 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. HĐND tỉnh Lâm Đồng, tháng 6 năm 2007.

2. Mô hình quản lý khoa học khác? Phạm Duy Hiền, tạp chí Tia Sáng số 19 năm 2007.

3. Quản lý KHCN của Úc và Niu-di-lân. Đặng Kim Sơn, www.tiasang.com.vn.

4. Ứng dụng KHCN trong quá trình phát triển cây Thanh Long tỉnh Bình Thuận. Tài liệu hội nghị KHCN tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2001-2006.

ĐƯA NHANH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO THỰC TẾ CUỘC SỐNG

THÁI VĂN LONG

Phòng Quản lý Khoa học - Sở KH&CN Lâm Đồng

Khái niệm “nghiên cứu khoa học” (NCKH), được dùng để chỉ các hoạt động nghiên cứu để tìm tòi bản chất, đặc điểm, diễn biến, quy luật, tác động của các đối tượng, hiện tượng trong tự nhiên và trong xã hội. Theo UNESCO, NCKH gồm 3 loại: Nghiên cứu cơ bản là những nghiên cứu nhằm tạo các tri thức mới về quy luật của các sự vật và hiện tượng; Nghiên cứu ứng dụng là những nghiên cứu tạo ra tri thức mới nhưng chủ yếu là nhằm vào một mục đích hoặc mục tiêu thực tế nào đó; Triển khai thực nghiệm là những nghiên cứu hoặc thực nghiệm nhằm tạo ra các vật liệu mới, sản phẩm mới, các hệ thống dịch vụ mới nhằm hoàn thiện những sản phẩm vốn tồn tại.

Từ khái niệm, cách phân loại trên cho thấy để đưa nhanh kết quả nghiên cứu ứng dụng KHCN tại địa phương cần thiết phải xét ở cả các khía cạnh: chất lượng kết quả nghiên cứu của các đề tài dự án, khả năng ứng dụng vào thực tiễn và các hoạt động triển khai ứng dụng sau đề tài dự án kết thúc. Thực tế trong các năm qua tại địa phương Lâm Đồng, các vấn đề trên cũng còn nhiều vấn đề cần bàn đến.

1. Về hiệu quả của các đề tài dự án

Đây một câu hỏi rất khó trả lời cho các hoạt động nghiên cứu KHCN tại Việt Nam nói chung và của tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Việc đánh giá hiệu quả của một đề tài, một dự án, không thể chỉ căn cứ vào các chỉ tiêu kỹ thuật, thời gian, tiến độ thực hiện, vấn đề sử dụng kinh phí được giao, mà còn tùy theo tính chất hoạt động nghiên cứu (nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm) và đặc điểm của từng lĩnh vực nghiên cứu (khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ...) để có các tiêu chí và mức độ đánh giá hiệu quả khác nhau. Trong thời gian

qua, phần lớn các kết quả đề tài dự án KHCN của tỉnh đã được ứng dụng và phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, còn có một số đề tài, dự án chưa phát huy hết giá trị của nó vì những lý do sau:

+ *Một số đề tài, dự án KHCN chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn*

Các đề tài, dự án KHCN do các tổ chức khoa học và cá nhân đăng ký thực hiện. Trong quá trình đăng ký, một số nhà khoa học chú ý đến những gì mình có mà ít quan tâm đến những gì xã hội cần, do vậy mục tiêu đề tài đặt ra không sát với yêu cầu của địa phương. Những đề tài, dự án này không được lựa chọn hoặc được chọn nhưng phải điều chỉnh lại mục tiêu, nội dung cho phù hợp. Trong quá trình thực hiện, một số đề tài, dự án không xác định rõ ranh giới giữa nghiên cứu cơ bản hoặc nghiên cứu triển khai ứng dụng nên kết quả nghiên cứu đã không đóng góp nhiều cho lý luận khoa học, mà cũng không trực tiếp giải quyết được các vấn đề thực tiễn, các giải pháp kiến nghị thì quá chung, khó cho việc vận dụng vào thực tiễn.

+ *Việc gắn kết giữa lý luận và thực tiễn còn nhiều hạn chế*

Việc gắn kết giữa nghiên cứu với đào tạo và sản xuất, kinh doanh tại tỉnh ta trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào cuộc sống vẫn còn những bất cập, một số đề tài nghiên cứu có kết quả nhưng chưa được các doanh nghiệp sử dụng. Một số viện nghiên cứu, trường đại học còn thiếu sự gắn bó với hoạt động sản xuất và đời sống. Các sản phẩm nghiên cứu chưa đủ sức thuyết phục các doanh nghiệp tiếp nhận (tính ổn định, hiệu quả, tính khả thi...). Tình trạng

cát cứ trong nghiên cứu tương đối phổ biến, các chủ nhiệm đề tài, dự án thường ít lưu ý đến việc huy động các chuyên gia cùng ngành phối hợp thực hiện.

+ Cơ chế chính sách chưa thật phù hợp

Trong thuyết minh đề cương chi tiết, nhất là trong các dự án KHCN thì các chỉ tiêu về nghiên cứu, đào tạo cán bộ và sản xuất thử (hoặc xây dựng các mô hình) được đề cập khá chi tiết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng cần có cơ chế phù hợp để gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất; cơ chế hỗ trợ phù hợp để kết quả nghiên cứu khoa học trở thành sản phẩm hàng hoá, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội tìm được sản phẩm KHCN mà mình cần, cơ chế hỗ trợ cho các doanh nghiệp ứng dụng các kết quả nghiên cứu lần đầu...

+ Về năng lực của ban chủ nhiệm đề tài, dự án

Sau khi ký hợp đồng thực hiện, ban chủ nhiệm các đề tài, dự án đã huy động được lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật ở địa phương hay ở các viện, trường tham gia thực hiện. Với sự phối hợp trên, trình độ năng lực của đội ngũ các nhà khoa học địa phương ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, chừng mực nào đó, một số nhà khoa học thực hiện còn thiếu chuyên môn sâu hoặc liên kết đa ngành để có thể giải quyết một vấn đề thực tiễn. Mặt khác, thực tế cho thấy một số nhà khoa học có khả năng nghiên cứu thì lại bị "quá tải" ở một số công việc khác như giảng dạy và ngược lại một số nhà khoa học có quỹ thời gian nhưng khả năng giải quyết vấn đề thực tế còn hạn chế. Lực lượng nghiên cứu ở địa phương còn ít, lại không có cán bộ đầu đàn trên một số lĩnh vực nên việc nghiên cứu, đánh giá thẩm định chuyên sâu cũng còn gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã có sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành với các cơ quan Trung ương.

2. Về các hoạt động triển khai ứng dụng sau khi đề tài dự án kết thúc

Nhiều đề tài, dự án sau khi nghiệm được hội đồng đánh giá rất cao khi xét đến tính khoa học, tính thực tiễn, tính phổ cập... được bàn giao lại cho các đơn vị triển khai ứng dụng, nhưng việc ứng dụng như thế nào, làm sao để ứng dụng có kết quả vào thực tiễn thì hầu như không được quan tâm đúng mức. Lâu dần, kết quả một số đề tài, dự án đã mất dần tính thời

sự và không còn giá trị nữa...

Từ những phân tích trên, để đưa nhanh kết quả nghiên cứu ứng dụng KHCN tại địa phương, cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

+ Tạo lập thị trường KHCN, kết quả nghiên cứu KH&CN phải trở thành hàng hóa được mua bán, trao đổi tại thị trường công nghệ. Cùng với sự chuyển đổi về nhận thức, cần có những chính sách để phát triển loại hình thị trường mới mẻ này. Các doanh nghiệp không chỉ trực tiếp tham gia nghiên cứu mà còn có nhu cầu ứng dụng ngay kết quả từ các đề tài nghiên cứu khoa học. Thị trường công nghệ sẽ là nơi để các doanh nghiệp tiếp cận tìm hiểu và thực hiện các hợp đồng nhằm thỏa mãn nhu cầu này, là cầu nối đưa nhanh kết quả KHCN vào sản xuất và đời sống. Muốn vậy cần đẩy mạnh hơn nữa việc phổ biến thông tin khoa học đến các doanh nghiệp, đến các ngành các cấp và mọi tầng lớp nhân dân.

+ Để làm giảm đi tính trễ là một đặc điểm của nghiên cứu khoa học, cần rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu và ứng dụng vào sản xuất. Cần coi trọng và khuyến khích các đề tài dự án KHCN cấp cơ sở và các đề tài, dự án mang tính ứng dụng cao. Những đề tài, dự án này được thực hiện trong thời gian ngắn, đòi hỏi ít kinh phí nhưng lại đáp ứng nhanh các yêu cầu cấp thiết, tạo ra được các sản phẩm mà thị trường đang cần. Cũng cần có sự quan tâm đúng mức đến các dự án sản xuất thử nghiệm với các sản phẩm mới nhưng cũng mang tính rủi ro cao.

+ Cần có chính sách hỗ trợ và nguồn kinh phí nhất định để nhanh chóng triển khai sản phẩm ra thị trường. Sản phẩm tới được người tiêu dùng mới đem lại hiệu quả KT-XH. Những sản phẩm từ phòng thí nghiệm, từ việc sản xuất thử ở quy mô nhỏ cần có sự hỗ trợ để đưa đến người tiêu dùng, giúp cho sản phẩm có được sức sống, nhanh chóng phát triển. Có như vậy, kết quả nghiên cứu mới đạt mục tiêu ban đầu và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Cần đẩy mạnh hơn nữa việc xã hội hóa việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: việc nghiên cứu triển khai ứng dụng không chỉ dừng lại ở đối tượng là các nhà khoa học ở các viện, trường, mà ở nhiều đối tượng khác

(Xem tiếp trang 6)

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỬ NGHIỆM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

QUẢN HÀNH QUÂN

Trung tâm Ứng dụng KH&CN và Tin học Lâm Đồng

Cùng với sự phát triển kinh tế, những hiểm họa về môi trường, dịch bệnh, hạn hán, lũ lụt, những rủi ro trong phát triển sản xuất, tranh chấp thương mại và nhiều yếu tố bất ổn khác đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của mỗi vùng, miền, quốc gia. Hoạt động thử nghiệm không chỉ cung cấp cơ sở để dự báo mà còn góp phần quan trọng trong việc phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ (KH&CN). Hoạt động thử nghiệm có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Thử nghiệm là lĩnh vực hoạt động KH&CN đã được thể hiện trong các văn kiện của Đảng, Nhà nước như Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, Luật KH&CN, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khoá IX. Chính phủ đã có quyết định số: 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 về chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2010 trong đó nhấn mạnh đến việc nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tổ chức dịch vụ KH&CN. Trong lĩnh vực thử nghiệm, Chính phủ cũng đã quy hoạch phát triển 16 phòng thí nghiệm trọng điểm ở các lĩnh vực khác nhau, chủ yếu nằm ở các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển tiềm lực về KH&CN trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ở Lâm Đồng, hoạt động thử nghiệm nằm rải rác ở các sở, ngành chủ yếu phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực được phân công, khả năng thử nghiệm bị hạn chế,

hầu hết chưa đáp ứng được yêu cầu. Các phòng thí nghiệm của các viện nghiên cứu đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phần lớn phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học. Một số ít các phòng thí nghiệm khác chuyên phục vụ hoạt động triển khai ở phạm vi nhỏ hẹp, với những trang thiết bị đơn giản. Nhìn chung, Lâm Đồng chưa có qui hoạch cụ thể nào trong hoạt động thử nghiệm. Hiệu quả đầu tư, sử dụng các phòng thí nghiệm hiện có trên địa bàn chưa cao: đầu tư dàn trải, mức đầu tư thấp, thiết bị nghèo nàn, số lượng các chỉ tiêu thực hiện được không nhiều, không đồng bộ, có độ tin cậy thấp, nên không thể đáp ứng được các yêu cầu phát triển trong tiến trình hội nhập. Phần lớn các phòng thí nghiệm chưa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, độ tin cậy của các kết quả thử nghiệm chưa được công nhận. Nguồn nhân lực cho hoạt động này vừa thiếu vừa yếu.

Để hội nhập, chúng ta có trách nhiệm

một số khái niệm:

Thử nghiệm: hành động tiến hành một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật bao gồm việc xác định các đặc tính của một sản phẩm, quá trình hoặc dịch vụ đã cho theo một thủ tục đã định.

Phòng thí nghiệm (Laboratory): Tổ chức thực hiện việc hiệu chuẩn và/ hoặc thử nghiệm.

Phòng thử nghiệm (Testing laboratory): Phòng thí nghiệm thực hiện việc thử nghiệm.

phải thực hiện các cam kết quốc tế, cụ thể là hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (bao gồm các quy định kỹ thuật bắt buộc tuân thủ, các tiêu chuẩn, các quy trình đánh giá sự phù hợp) và những cam kết quốc tế khác. Trước đây, chúng ta chỉ quan tâm đến chất lượng sản phẩm đầu ra và được kiểm tra theo lô. Ngày nay, khi tham gia hội nhập về chất lượng sản phẩm, việc chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, phải kèm theo kết quả thử nghiệm được công nhận. Vì vậy, để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, hoạt động thử nghiệm phải tham gia hội nhập, phù hợp những chuẩn mực quốc tế. Tỉnh ta cần có một phòng thí nghiệm đủ mạnh để phục vụ các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.

Phòng thí nghiệm của Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tin học thuộc

Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng là Phòng thí nghiệm đầu tiên ở tỉnh được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 17025:2005. Trước đây, Phòng thí nghiệm này đã thực hiện kiểm nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá từ năm 1987, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật trưởng thành và kinh nghiệm. Vì vậy, Phòng thí nghiệm nếu được đầu tư thêm về hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và nhân lực thì có thể tham gia hội nhập trong hoạt động thử nghiệm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xuất phát từ yêu cầu bức thiết đó, cùng với việc tập trung đầu tư cho phòng thử nghiệm chính đó cần tổ chức lại hệ thống các phòng thử nghiệm hoạt động theo cơ chế tự chủ, độc lập, tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế, nhằm đáp ứng các yêu cầu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. ■

ĐƯA NHANH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO THỰC TẾ CUỘC SỐNG

(Tiếp theo trang 4)

trong xã hội. Có như thế thì các đề tài dự án phải được xuất phát từ nhu cầu thực tiễn cuộc sống.

+ Cần xây dựng các nhiệm vụ KH&CN thành các chương trình dài hạn phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương và triển khai cụ thể trong từng giai đoạn bằng việc thực hiện các đề tài, dự án nhỏ. Các cấp quản lý cần tăng cường năng lực, tổ chức tốt việc đánh giá nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Khen thưởng động viên kịp thời cá nhân, tổ chức cơ sở có thành tích tốt trong nghiên cứu, thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Các đề tài, dự án phải được xuất phát từ yêu cầu của cơ sở, có tính khả thi cao và cũng cần rút ngắn thời gian nghiên cứu ở từng giai đoạn cụ thể. Trong quá trình thực hiện các đề tài dự án, cần quan tâm nhiều hơn nữa đến việc gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu và sản xuất. Cần đẩy mạnh các hoạt động KH&CN cấp cơ sở, trước mắt cần tăng cường tuyên truyền phổ biến các cơ chế chính sách về hoạt động KH&CN như Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND *Ban hành Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở*; Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN *về định mức*

xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, ... giúp các ngành, các cấp triển khai hoạt động nghiên cứu KH&CN, đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

+ Cần quan tâm hơn đến các hoạt động sau nghiệm thu của đề tài, dự án bằng nhiều hình thức khuyến khích, hỗ trợ. Tổ chức hoạt động triển khai ứng dụng và đầu tư kinh phí hợp lý để các đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống. Thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình ứng dụng KH&CN có hiệu quả, động viên khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Trên đây là một số suy nghĩ trong nhiều giải pháp để đưa nhanh các ứng dụng KH&CN vào thực tiễn. Đây là những vấn đề cấp thiết đã, đang và sẽ rất cần sự quan tâm của các nhà khoa học, các ngành, các cấp. Có như vậy mới đẩy nhanh ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tế cuộc sống, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong thời kỳ hội nhập. ■

CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TỈNH LÂM ĐỒNG

KS. NGÔ ĐÌNH VĂN CHÂU

Phòng Quản lý Công nghệ - Sở KH&CN Lâm Đồng

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được xem là quốc sách của nhiều nước từ những thập niên 70 của thế kỷ trước. Các quốc gia đã pháp lý hóa hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mang lại ở nhiều cấp độ khác nhau.

Tại Nhật, từ thập niên 70 đã có luật sử dụng năng lượng tiết kiệm. Nhật đã hình thành trung tâm tiết kiệm năng lượng (TKNL) quốc gia để triển khai các chương trình, hoạt động TKNL; Thái Lan cũng đã xây dựng và ban hành luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả từ năm 1991. Tại Trung Quốc từ năm 1998 cũng đã ban hành luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Định kỳ 5 năm, Trung Quốc xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia nhằm cắt giảm sử dụng năng lượng. Trong giai đoạn 2005-2010, mục tiêu của Trung Quốc là giảm 20% năng lượng trên một đơn vị GDP.

Tại Việt Nam, từ thập niên 90 của thế kỷ trước, dưới sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, đã triển khai chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, chương trình này đã đánh giá tổng thể hoạt động cũng như đánh giá tiềm năng TKNL trong các lĩnh vực, đồng thời kiến nghị một thể chế nhà nước nhằm triển khai hoạt động TKNL ở Việt Nam.

Một số dự án lớn như chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ TKNL (dự án PECSME) đang triển khai trên 10 thành phố

lớn cũng nhằm vào các hoạt động như xây dựng thể chế, giáo dục cộng đồng, truyền thông, tư vấn giải pháp,...

Năm 2006, Văn phòng TKNL quốc gia được thành lập là cơ quan cấp quốc gia điều phối chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Tại Lâm Đồng, nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, năm 2007, Sở KH&CN đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ: "Xây dựng chương trình tiết kiệm năng lượng tỉnh Lâm Đồng". Mục tiêu chính là xây dựng một chương trình hành động bao gồm nhiều dự án làm cơ sở để triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại tỉnh Lâm Đồng. Chương trình này phải xác định được phương án, kế hoạch và cách làm nhằm thực hiện mục tiêu cắt giảm 5-8% năng lượng sau 10 năm của tỉnh theo kịch bản phát triển bình thường.

Chương trình cũng xây dựng một phương án hình thành thể chế hoạt động của các cơ quan trên địa bàn liên quan đến chức năng quản lý và triển khai các hoạt động TKNL được quy định bởi pháp luật hiện hành.

Chương trình tập trung thực hiện các nội dung:

- Nghiên cứu hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hệ thống quản lý nhà nước

và hệ thống triển khai theo các sở, ngành và các tổ chức liên quan.

- Xác định cơ cấu sử dụng năng lượng của các đối tượng sử dụng năng lượng.

- Nghiên cứu tiềm năng TKNL của các đối tượng.

- Xác định giải pháp TKNL cho từng đối tượng và định mức TKNL.

- Xây dựng các giải pháp tổng thể, bao gồm các giải pháp về thể chế (tổ chức bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực, quy trình quản lý trên địa bàn...); các giải pháp về truyền thông, giáo dục cộng đồng; Các giải pháp liên quan đến ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, nông nghiệp, du lịch, thương mại...

- Xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp theo mục tiêu.

Đặc biệt, tại Đà Lạt, do đặc thù sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, việc sản xuất hoa thương phẩm đòi hỏi việc tiêu tốn nguồn năng lượng khá cao, nhất là việc thắp sáng vào ban đêm và tưới tiêu, chương trình nhân mạnh đây sẽ là nội dung cơ bản và cần thiết phải đi sâu tìm hiểu và đánh giá, đồng thời xây dựng dự án và mô hình cụ thể trong vấn đề tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực này.

Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), nếu không có biện pháp tiết kiệm, việc đối mặt với tình trạng thiếu điện trước mắt và các

năm tới là điều không tránh khỏi.

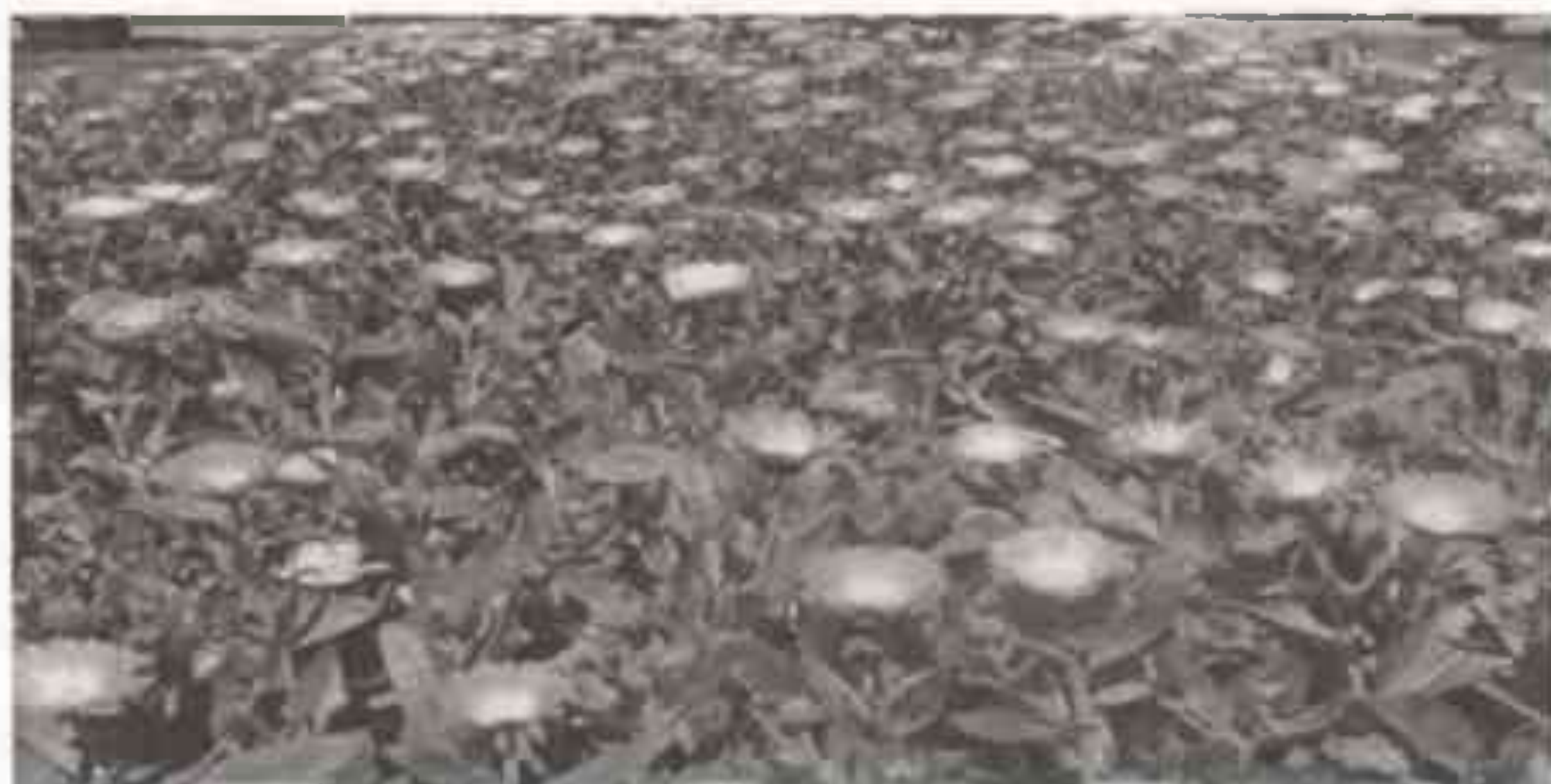
Một số giải pháp tiết kiệm đã được áp dụng, trong đó, giải pháp hiệu quả nhất là tư vấn cho người dân chọn mua thiết bị điện và cách lắp đặt, cách sử dụng thiết bị điện như thế nào để tiết kiệm điện nhất. Có rất nhiều cách để tiết kiệm năng lượng trong gia đình thật đơn giản như: không nên ủ đồ trong phòng lạnh hoặc ủ quần áo còn ướt; sử dụng máy giặt với lượng quần áo phù hợp công suất máy; đặt tủ lạnh cách tường ít nhất 10cm; duy trì máy điều hòa nhiệt độ từ 24°C-26°C; chọn chế độ tiết kiệm trên các thiết bị điện nếu có; tắt bóng đèn khi không dùng đến; bố trí máy bơm hợp lý để giảm bớt các đoạn gấp khúc của đường ống dẫn nước – giảm độ đầy của máy... Mặt khác, năng lượng thay thế như pin mặt trời, gió... cũng là giải pháp tiết kiệm tốt nếu có điều kiện thay thế.

Đối với việc chiếu sáng công cộng, giảm 50% số lượng đèn chiếu sáng tại các tuyến phố, quảng trường, công viên, vườn hoa công cộng, các đơn vị quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng phải điều chỉnh thời gian chiếu sáng. Riêng các đơn vị sản xuất kinh doanh nên thực hiện hệ thống quản lý năng lượng để đạt hiệu suất cao trong sản xuất. ■

Nguồn:

- Phòng QLCN, Sở KH&CN Lâm Đồng

- Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng Tp.HCM



CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỨC ĐẨY SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ RAU AN TOÀN TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP WTO

TS. PHẠM S

Sở Nông nghiệp & PTNT Lâm Đồng

Lâm Đồng là một tỉnh có điều kiện khí hậu, đất đai thuận lợi cho nghề trồng rau phát triển. Diện tích trồng rau ngày càng được mở rộng đã hình thành những vùng chuyên canh, sản xuất rau hàng hóa có quy mô lớn, chất lượng cao ở thành phố Đà Lạt, các huyện Đức Trọng, Đơn Dương và Lạc Dương. Sản phẩm rau của Lâm Đồng đã tham gia xuất khẩu đến thị trường các nước Đông Nam Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore... và cung cấp cho thị trường các tỉnh miền Đông và miền Trung Nam bộ, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh với số lượng ngày càng lớn.

I/ Thực trạng sản xuất rau tại Lâm Đồng

Diện tích trồng rau của Lâm Đồng năm 2006 đạt 32.000 ha gieo trồng, sản lượng rau đạt 850.000 tấn, tốc độ phát triển bình quân trong 6 năm là 12%/năm về diện tích và 13%/năm về sản lượng. Chúng loại rau ngày càng đa dạng phong phú hơn, có nhiều loại rau chất lượng, giá trị dinh dưỡng cao mang tính đặc sản chỉ duy nhất trồng được ở Lâm Đồng đã được thị trường trong nước tiêu thụ mạnh và có giá trị xuất khẩu cao. Trong đó: 55-60% là rau ăn lá (cải bắp, cải thảo, súp lơ ...); nhóm rau ăn củ chiếm 20-25% (khoai tây, cà rốt, củ dền), nhóm rau ăn quả chiếm 10-12% (cà chua, đậu các loại,...) và nhiều loại rau khác.

Lâm Đồng là tỉnh có diện tích và sản lượng rau lớn nhất toàn quốc: Sản phẩm xuất khẩu hàng năm từ 10.000 - 14.000 tấn thành phẩm tương đương 100.000 - 140.000 tấn

nguyên liệu chiếm 18% tổng sản lượng rau hàng năm.

Quy mô đất canh tác rau hiện nay khoảng 9.000-10.000 ha, bình quân ở Đà Lạt mỗi hộ có 2.500-3.000 m², còn các hộ nông dân sản xuất rau của các huyện có quy mô từ 3.000 - 5.000 m². Số hộ nông dân sản xuất rau của tỉnh Lâm Đồng khoảng 22.000-24.000 hộ.

Với điều kiện khí hậu, đất đai của Lâm Đồng cùng với sự phát triển khoa học kỹ thuật về ngành rau của thế giới, trong những năm qua nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã đến Lâm Đồng để đầu tư sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến về giống, kỹ thuật canh tác và chủ động tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác các doanh nghiệp trong nước và nông dân cũng từng bước tiếp thu khoa học kỹ thuật dưới nhiều hình thức, đầu tư vào ngành trồng rau theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Diện tích trồng rau ngày càng được mở rộng, phát triển tạo thành những vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa với khối lượng lớn cung ứng cho các địa phương trong cả nước và tham gia xuất khẩu.

Thị trường tiêu thụ các sản phẩm rau chủ yếu là thị trường trong nước, thị trường truyền thống ở khu vực Nam bộ và Nam Trung bộ, trong đó chủ yếu thị trường thành phố Hồ Chí Minh. Trong các năm gần đây thị trường xuất khẩu được chú trọng quan tâm tìm kiếm, chủ yếu là các nước trong khu vực Đông Nam Á: Nhật Bản, Đài Loan, Singapore... Tuy nhiên sản lượng rau hàng hoá xuất khẩu hàng năm chỉ đạt 14.000-15.000 tấn thành phẩm.

Bảng: khối lượng và giá trị xuất khẩu rau, quả ở những thị trường chính

TT	Tên nước	Năm 2004		Năm 2005		Năm 2006	
		Sản lượng Xk (tấn)	Trị giá (USD)	Sản lượng Xk (tấn)	Trị giá (USD)	Sản lượng Xk (tấn)	Trị giá (USD)
1	Nhật Bản	5.627	6.703.731	7.146	8.916.456	6.548	8.174.219
2	Singapore	1.158	842.928	956	746.077	932	710.336
3	Đài Loan	215	61.033	4.518	1.178.674	6.272	1.466.018
4	Malaysia	153	94.047	358	250.944	728	410.590
5	Hồng Kông	30	252.359	37	218.106	18	161.078
6	EU	9	18.426			1	9.257
7	Úc			328	241.860	22	27.247
8	Thái Lan			5	39.740	2	31.414
9	Các nước khác	1.419	628.216	339	56.757	54	103.069
	Cộng	8.611	8.600.790	13.687	11.648.614	14.577	11.091.228

Hiện nay tại Lâm Đồng có 5 nhà máy chế biến thực phẩm rau hoạt động, trong đó có 4 nhà máy chế biến 100% vốn nước ngoài. Tổng công suất chế biến 12.000 - 15.000 tấn/năm, nhưng hiện nay chỉ mới thực hiện được 50% công suất. Nguyên nhân do thị trường tiêu thụ chưa được mở rộng, chất lượng, chủng loại rau nguyên liệu hàng hoá chưa đáp ứng yêu cầu chế biến.

Năm 2004, Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng đã xây dựng Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao và được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó có các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đối với cây rau bao gồm:

- Dự án Quy hoạch khu nông nghiệp công nghệ cao huyện Lạc Dương, trên cơ sở nhà nước quy hoạch, tích tụ đất đai, phân lô, xây



dựng hạ tầng cơ sở (đường, điện, hệ thống thông tin...) thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư sản xuất rau theo hướng công nghệ cao. Các tiêu chí về năng lực công nghệ, thiết bị, tài chính và năng lực chủ động thị trường tiêu thụ được đặt ra chặt chẽ khi chọn lựa nhà đầu tư.

- Dự án quy hoạch vùng sản xuất rau, hoa, dâu tây chất lượng cao tại các huyện Đơn Dương, Đức Trọng và thành phố Đà Lạt quy mô: 1.731 ha. Dự án nhằm từng bước nâng cấp mức độ ứng dụng công nghệ trong nông dân thông qua các điểm trình diễn, từ đó tạo động lực phát triển và chuyên giao công nghệ cho toàn vùng chuyên canh rau phục vụ các cơ sở chế biến.

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất giống rau, hoa công nghệ cao do Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp Lâm Đồng thực hiện nhằm cung ứng giống sạch bệnh, chất lượng cao cho các vùng sản xuất rau, hoa công nghệ cao của tỉnh.

- Ngoài ra tỉnh Lâm Đồng còn đầu tư xây dựng 8 mô hình điểm sản xuất rau, hoa trong nhà kính, nhà lưới để tạo điều kiện cho bà con nông dân tham quan học tập tiếp thu những kỹ thuật canh tác tiên tiến và ứng dụng công nghệ nhà mái che plastic, nhà lưới, từng bước giúp nông dân nâng cấp sản xuất rau theo hướng công nghệ cao.

Các hoạt động quản lý nhà nước về giống rau, hướng dẫn thực hiện sản xuất và chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn đã được thực hiện có kết quả.

II/ Các giải pháp chủ yếu cho sản xuất, tiêu thụ rau tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2007- 2010

Rau quả Lâm Đồng là loại cây trồng có lợi thế so sánh của địa phương. Nhằm đạt mục tiêu 01 triệu tấn rau và tăng tỷ trọng xuất khẩu 30-35% vào năm 2010, sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trong những năm tới cần tập trung các giải pháp chủ yếu sau:

1- Tập trung cho công tác khảo nghiệm, chọn tạo các giống rau nhập nội mới năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, phẩm chất tốt phù hợp với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt chú trọng các chủng loại rau cao cấp đặc sản hoặc có tiềm năng xuất khẩu mà các địa phương khác không sản xuất được như: cà rốt, pốpôi, súp lơ, cải bắp, các loại rau xà lách, ớt ngọt, rau thơm cao cấp; đối với những loại rau các tỉnh phía Nam trồng được phổ biến thì khuyến cáo sản xuất giảm diện tích hoặc không trồng.

2- Ứng dụng rộng rãi chương trình IPM trên cây rau dưới hình thức tiếp tục mở các lớp huấn luyện cho nông dân về IPM trên địa bàn Đà Lạt và các huyện phụ cận, đồng thời tiếp tục nghiên cứu về IPM trên một số cây rau chủ lực khác ngoài họ thập tự, khuyến cáo sử dụng các thuốc BVTV sinh học thế hệ mới và thời gian cách ly ngắn đối với sản phẩm khi thu hoạch để đảm bảo chất lượng nông sản phục vụ cho sức khỏe cộng đồng và xuất khẩu. Hạn chế tối đa việc sử dụng các hóa chất nông dược có độ độc cao, thuốc chậm phân hủy.

3- Triển khai thực hiện tốt các quy hoạch phát triển sản xuất rau đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tăng cường công tác chuyên gia các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thông qua mở lớp tập huấn về các biện pháp canh tác cho cây trồng; xây dựng những mô hình trình diễn các tiến bộ về giống, hệ thống canh tác, sau đó tổ chức hội thảo để nông dân tiếp thu nhân rộng.



4- Trong các năm qua công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm rau Lâm Đồng rất được tinh quan tâm. Tuy nhiên sản phẩm rau Lâm Đồng mức độ xuất khẩu còn thấp, phần lớn thị trường do các doanh nghiệp chủ động tìm kiếm. Để xúc tiến việc tiêu thụ sản phẩm rau, năm 2007 Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng chủ động làm việc với tập đoàn METRO có kế hoạch phối hợp tiêu thụ rau Lâm Đồng, ngoài ra còn xây dựng mối quan hệ với các đối tác khác.

5- Tiếp tục thực hiện cam kết quản lý rau an toàn giữa hai địa phương Lâm Đồng và thành phố Hồ Chí Minh, có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư liên doanh liên kết, đặc biệt là các doanh nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh trong việc tổ chức sản xuất, thu mua tiêu thụ các sản phẩm.

6- Đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật cho Chi cục BVTV Lâm Đồng (Phòng phân tích có đủ thiết bị, năng lực để phân tích các kim loại nặng, hàm lượng NO₃, vi sinh vật có hại...). Các doanh nghiệp chủ động hoặc thông qua chương trình khuyến công, xây dựng các cơ sở bảo quản lạnh, cơ sở đóng gói rau, quả nhằm đa dạng hoá các sản phẩm xuất khẩu.

7- Nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của các hiệp hội sản xuất rau quả, các nông hộ, các nhóm nông hộ và hợp tác xã. Tiến hành xây dựng đăng ký thương hiệu về sản phẩm rau Đà Lạt để vươn lên gia nhập thị trường với các nước trong khu vực và thế giới trong giai đoạn 2007-2010. ■

CÔNG NGHỆ CÀN BÁN

SẢN XUẤT CÁC LOẠI NƯỚC TRÁI CÂY, RAU, CỦ (TRONG VÀ ĐỤC) ĐÓNG CHAI HOẶC BỊCH VÔ TRÙNG

mô tả quy trình công nghệ / thiết bị:

Công suất tính theo ca: Do khách hàng yêu cầu

Thông số kỹ thuật khác: Sản phẩm không có nấm mốc, vi khuẩn độc hại, bảo quản 3 tháng ở nhiệt độ thường không hư hỏng.

Nguyên liệu tươi - Xử lý sơ bộ - Ép lấy dịch hoặc xay nhuyễn - Xử lý dịch ép và phối trộn các thành phần - Đồng hoá - Đóng bao bì - Thanh trùng - Xuất bán.

Lĩnh vực áp dụng: 6513 - Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm; 6553 - Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc.

Ưu điểm của công nghệ / thiết bị: Tận dụng được nguồn trái cây phong phú, giá rẻ ở địa phương trên cả nước. Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị khác nhau để thoả mãn nhu cầu con người ngày càng cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị, tùy vào công suất máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

HỆ THỐNG MÁY CHIÊN RAU, CỦ, QUẢ TÓNG CHÂN KHÔNG

Lĩnh vực áp dụng: 6513 - Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: theo thoả thuận.

Phí đào tạo: miễn phí.

Phí chuyển giao bí quyết: miễn phí.

Phí tư vấn kỹ thuật: miễn phí

Đơn vị chào bán: Tổng công ty máy động lực và nông nghiệp Việt Nam

THƯƠNG MẠI CÔNG BẰNG, MỘT SỰ LỰA CHỌN KHÁC CHO NÔNG DÂN SẢN XUẤT NHỎ

PHẠM THỊ NHÂM

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Thương mại công bằng (TMCB) là một sáng kiến cho nông dân sản xuất nhỏ, những người bị hạn chế về sự phát triển về mặt kinh tế và xã hội bởi những điều kiện thương mại (không thuận lợi), giúp các hộ nông dân này vượt qua những khó khăn trong phát triển và tham gia vào TMCB.

FLO là viết tắt của “Tổ chức quốc tế về dán nhãn Thương Mại Công Bằng” (Fairtrade Labelling Organization International). FLO hướng tới mục tiêu cải thiện đời sống cho nông dân sản xuất nhỏ hoặc công nhân nông trường bằng cách giới thiệu với họ một cách trao đổi mua bán công bằng hơn.

FLO được thành lập vào năm 1988 tại Netherlands. Tổ chức này đã có mặt tại 20 quốc gia trên thế giới như Pháp, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Anh, Canada, Ý, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Na Uy, Việt Nam... và đã cấp khoảng 611 giấy chứng nhận về FLO trên toàn cầu.

Tổ chức FLO bao gồm FLO-eV và FLO-Cert. FLO-eV là bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn xác định thế nào là công bằng và chấp nhận được, giúp cho nông dân sản xuất nhỏ thực hiện các tiêu chuẩn này, còn FLO-Cert là tổ chức độc lập và hoàn toàn riêng biệt. FLO-Cert sẽ khảo sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn yêu cầu đối với nông dân sản xuất nhỏ và chứng nhận việc thực hiện các tiêu chuẩn này. Nếu các hộ nông dân đáp ứng được các tiêu chuẩn này thì sẽ

được cấp giấy chứng nhận và được gắn biểu tượng (logo) Thương Mại Công Bằng trên sản phẩm của mình, như vậy khách hàng sẽ yên tâm khi mua các sản phẩm này. Đặc biệt khi được chứng nhận về tiêu chuẩn của FLO, các tổ chức sản xuất thuộc tổ chức Thương Mại Công Bằng sẽ được trả thêm một khoản tiền phúc lợi Thương Mại Công Bằng ở mức 7 – 15% so với giá trị lô hàng được bán nhằm mục đích cải thiện đời sống người lao động, gia đình họ và cộng đồng xung quanh.

Các sản phẩm mà FLO đã hỗ trợ và chứng nhận: cà phê, chuối, trái cây, ca cao, đường, mật ong, gạo, rượu..., các sản phẩm này chủ yếu là xuất khẩu qua thị trường các nước Thụy Sĩ, Mỹ, Anh.

Tại Việt Nam FLO đã chứng nhận cho sản phẩm trà Thái Nguyên, trà Yên Bái, đang đánh giá chứng nhận cho nhân điều tại Bình Thuận, xem xét đơn của gạo tại Huế và trà tại Lào Cai. Hiện nay FLO đang quan tâm để hỗ trợ cho các sản phẩm mật ong, nhân điều và cà phê tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn chung về TMCB (tiêu chuẩn FLO) cho nông dân sản xuất nhỏ được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn và công ước được quốc tế công nhận, đặc biệt là các tiêu chuẩn và công ước của Tổ chức lao động quốc tế (ILO).

Tiêu chuẩn FLO đưa ra 4 yêu cầu: phát triển xã hội, phát triển kinh tế, phát triển môi trường và điều kiện lao động.

Đối với tiêu chí về phát triển xã hội: FLO đòi hỏi tổ chức sản xuất nhỏ áp dụng tiêu chuẩn này phải chứng minh rằng nguồn thu từ TMCB sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội cho những người nông dân sản xuất nhỏ. Lợi ích từ thương mại công bằng sẽ được chia sẻ cho những người nông dân này một cách dân chủ. Tổ chức sản xuất nhỏ này cần phải cơ cấu một cách minh bạch và dân chủ, không phân biệt đối xử.

Yêu cầu về phát triển kinh tế: tổ chức phải đảm bảo có đầy đủ cơ sở vật chất về hậu cần và liên lạc; áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm của mình nhất là đối với các sản phẩm xuất khẩu.

Yêu cầu về phát triển môi trường: để đáp ứng được tiêu chuẩn này đòi hỏi tổ chức phải thực hiện việc quản lý sản xuất, từ việc quản lý đồng ruộng, sử dụng nguồn đất, nguồn nước, sử dụng phân bón, hoá chất và các kỹ thuật canh tác ... nhằm bảo vệ môi trường tự

nhiên. Trong quá trình thực hiện tổ chức cần theo dõi, kiểm soát, đánh giá và phải có hồ sơ chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu này.

Yêu cầu về điều kiện lao động: không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; tạo quyền tự do đàm phán tập thể; đảm bảo điều kiện làm việc, an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp của người lao động.

Như vậy khi áp dụng và được chứng nhận tiêu chuẩn của FLO các tổ chức nông dân sản xuất nhỏ sẽ có cơ hội tiếp cận được các yêu cầu đối với sản phẩm xuất khẩu, đóng góp trách nhiệm về bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nhất là được hưởng phúc lợi từ chính hoạt động này.

Tại Lâm Đồng, sản phẩm cà phê là sản phẩm khá thuận lợi để triển khai áp dụng tiêu chuẩn này, nó phù hợp với điều kiện tại Lâm Đồng về quy mô sản xuất, điều kiện áp dụng và nhất là sản phẩm này đang được FLO quan tâm. ■

CHẤT LƯỢNG MŨ BẢO HIỂM TRÊN THỊ TRƯỜNG LÂM ĐỒNG

(tiếp theo trang 18)

- Đối với mũ bảo hiểm sản xuất trong nước: Trên mũ phải được in/gắn chữ công bố phù hợp tiêu chuẩn «CS» theo tiêu chuẩn TCVN 5756:2001 đối với mũ bảo hiểm cho người lớn và theo tiêu chuẩn TCVN 6979: 2001 đối với mũ bảo hiểm cho trẻ em, tên và địa chỉ cơ sở sản xuất, cỡ mũ, ngày sản xuất.

- Đối với mũ bảo hiểm nhập khẩu: Phải dán tem chứng nhận/lô gô của tổ chức chứng nhận/phòng thử nghiệm (như: Trung tâm Kỹ thuật 1, Trung tâm Kỹ thuật 3).

- Nếu cần thiết người tiêu dùng có thể yêu cầu người bán cung cấp hồ sơ công bố hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn của sản phẩm đó.

* Khuyến cáo đối với các cơ sở kinh doanh

Các cơ sở kinh doanh mũ bảo hiểm cần có đầy đủ các giấy tờ sau: Hồ sơ công bố hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, kết quả kiểm tra chất lượng đối với từng lô hàng, trên sản phẩm phải có đầy đủ các thông tin: tem phù hợp tiêu chuẩn; tên

và địa chỉ cơ sở sản xuất; cỡ mũ; ngày sản xuất, hoá đơn của lô hàng được cơ quan thuế cấp.

* Kiến nghị đối với các cơ quan chức năng

Lực lượng Hải quan cần kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu mũ bảo hiểm, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, kiểm soát các loại mũ bảo hiểm nhập khẩu có giá rẻ, không được kiểm tra chất lượng.

Cần đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chất lượng và ghi nhận đối với mũ bảo hiểm để người tiêu dùng hiểu rõ hơn. ■



VẤN ĐỀ CHẤT LƯỢNG RAU AN TOÀN Ở LÂM ĐỒNG

CHU TUẤN
Công ty VIPESCO

Rau là loại thực phẩm rất cần thiết trong đời sống hàng ngày và không thể thay thế được, vì rau có vị trí quan trọng đối với sức khoẻ con người. Rau cung cấp cho cơ thể những chất quan trọng như: Protein, Vitamin, lipid, muối khoáng, axit hữu cơ và chất thơm... Đáng chú ý hơn cả là rau có ưu thế hơn một số cây trồng khác về vitamin, chất khoáng. Các loại vitamin trong rau như: Vitamin (Vít) A, B₁, B₂, C, E và PP... chúng có tác dụng quan trọng trong quá trình phát triển cơ thể,



Trồng rau trong nhà màng, một quy trình sản xuất rau an toàn

thiếu vitamin sẽ gây ra nhiều bệnh tật. Chất khoáng trong rau chủ yếu là: Ca, Fe, P... là những chất cần thiết tạo nên máu và xương. Các chất khoáng có tác dụng điều hoà, cân bằng kiềm tan trong máu, làm tăng khả năng đồng hoá protein...

Rau là loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, giá trị sản xuất rau gấp 2 – 3 lần so với cây lúa, rau có chu kỳ sinh trưởng ngắn, có thể gieo trồng nhiều lần trong một năm. Ngoài ra cây rau còn có ý nghĩa về mặt y học như một số cây tỏi ta, gừng, nghệ, hành tây... về mặt xã hội góp phần làm tăng thu nhập cho người lao động... Cây rau có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội cho nên từ lâu được người nông dân đánh giá qua câu “*Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền*” nghĩa là thứ nhất thả cá, thứ nhì làm vườn, thứ 3 làm ruộng.

Điều kiện khí hậu, đất đai của Lâm Đồng rất phù hợp cho cây rau phát triển. Trong những năm qua, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nói chung và cây rau nói riêng đã mang lại những thành tựu không nhỏ trong nền nông nghiệp, đảm bảo sản lượng rau đáp ứng cho việc tiêu dùng trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu ra nước ngoài. Tuy nhiên, để thành phẩm tiêu dùng được trên thị trường phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: điều kiện ngoại cảnh (đất đai, khí hậu...), dịch hại... trong đó dịch hại là yếu tố tác động rất lớn đến cây rau cả về sản lượng, năng suất cũng như chất lượng. Có thể nói để loại trừ được yếu tố dịch hại

là công việc khó khăn, phức tạp nhất đối với người nông dân trồng rau. Dịch hại trên cây rau phát triển ngày càng mạnh đi đôi với các biện pháp thâm canh tăng năng suất rau, như chạy đua với sự phát triển của dịch hại. Đã có nhiều người trồng rau lạm dụng hoá chất nông nghiệp, thuốc BVTV, phân bón hoá học ngày nhiều và bất hợp lý, dẫn đến những hậu quả sinh thái không thể kiểm soát được: Sâu bệnh hại ngày càng bùng phát làm giảm chất lượng nông sản, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến con người về mọi mặt.

Trong khi đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế và mức sống của con người, yêu cầu về chất lượng rau an toàn và vệ sinh môi trường của toàn xã hội ngày càng cao.

Qua phân tích tình hình dư lượng thuốc BVTV của Chi cục BVTV Lâm Đồng, sử dụng bộ dụng cụ GT Pesticide Test Kit của Thái Lan, phân tích 2 nhóm chất Phospho hữu cơ và Carbamat trên cây rau (dâu tây, sup lơ, xà lách, đậu leo, đậu Hà Lan, khoai tây, hành tây, cà chua, khoai tây...), tại 4 địa điểm Đà Lạt, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng cho thấy:

Năm 2004: Tổng số mẫu được phân tích 301 mẫu.

Kết quả: Không phát hiện 2 nhóm thuốc Carbamat, Phospho hữu cơ: Chiếm 22,6%; an toàn: chiếm 52,2%, không an toàn: 5,3%.

Năm 2005: Tổng số mẫu được phân tích 795 mẫu:

Kết quả: Không phát hiện 2 nhóm thuốc Carbamat, Phospho hữu cơ: 37,5 %, an toàn: 58,9%; không an toàn: 3,6%.

Năm 2006: Tổng số mẫu được phân tích 800 mẫu.

Kết quả: Không phát hiện 2 nhóm thuốc Carbamat, Phospho hữu cơ: 32,1 %; an toàn: 66,0%, không an toàn: 1,9%.

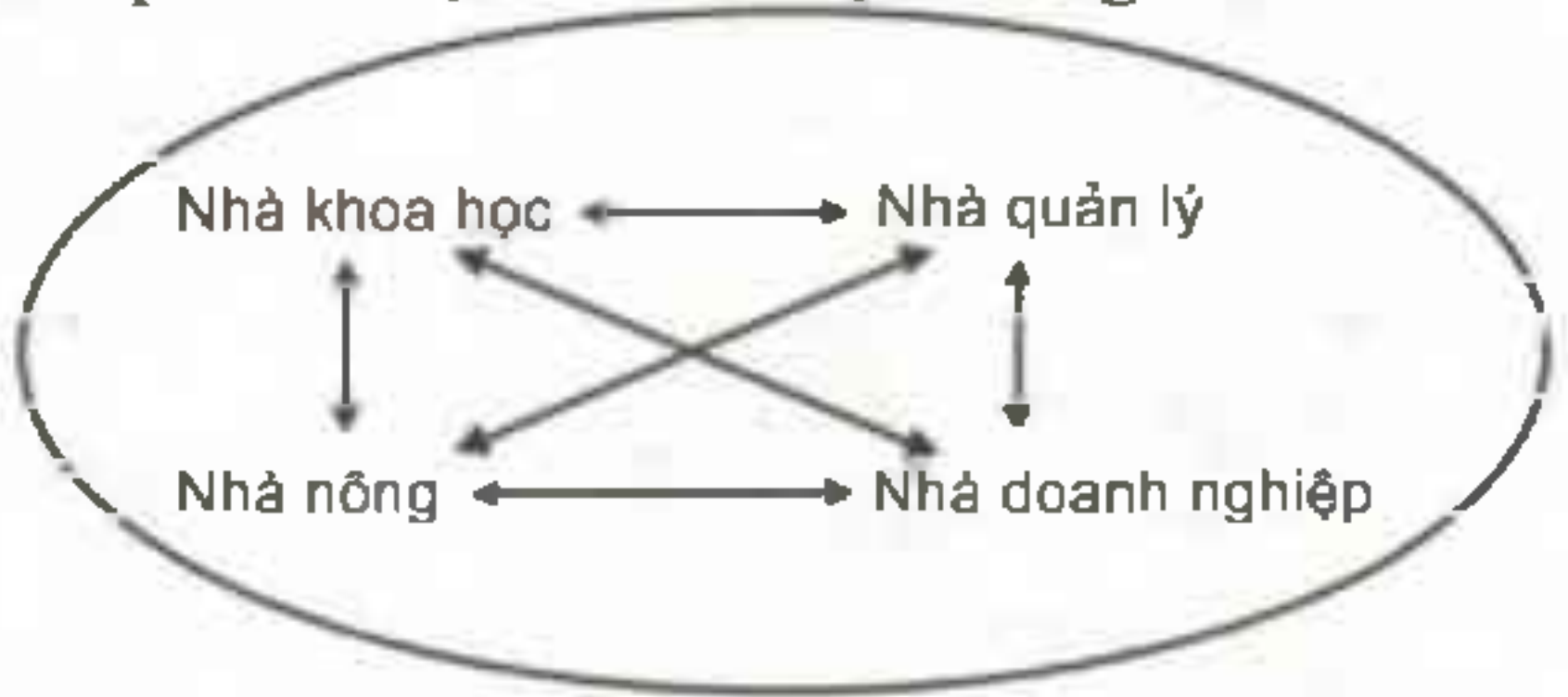
Đợt 1 năm 2007: Tổng số mẫu được phân tích 600 mẫu.

Kết quả: Không phát hiện 2 nhóm thuốc Carbamat, Phospho hữu cơ: 44,5%; an toàn: 54,0%; không an toàn: 1,5%.

Thực tế cho thấy người trồng rau trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng vẫn chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vấn đề sử dụng phân bón, thuốc BVTV, tự tiện sử dụng quá mức dẫn tới sản phẩm không những không bán được mà còn làm ảnh hưởng tới sức khoẻ của mình, làm ảnh hưởng tới môi trường đất, không khí và nước... Khi Việt Nam đã là thành viên WTO thì vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cần được quan tâm chú trọng hơn, và yêu cầu sản phẩm an toàn của những nước mua thực phẩm rau ngày càng chặt chẽ hơn.

Để được gọi là rau an toàn thì phải đảm bảo các yêu cầu chỉ tiêu sau đây: Dư lượng thuốc BVTV dưới mức cho phép, hàm lượng NO₂ đúng tiêu chuẩn, kim loại nặng (Hg, As...) dưới mức quy định, độc tố sinh học (Patulin, Afatoxin) và các vi sinh vật (Salmonella, E.Coli, Coli Form) phải ở dưới mức quy định của FAO.

Muốn đảm bảo tốt được những vấn đề trên thì phải có sự liên kết mật thiết giữa 4 nhà:



Nhà khoa học cần phải đưa ra các giải pháp, nghiên cứu hợp lý, kịp thời các vấn đề liên quan đến rau an toàn...; Nhà quản lý phải có biện pháp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trồng rau...; Nhà doanh nghiệp cần phải đảm bảo được đầu ra cho người nông dân... có như vậy thì vấn đề rau an toàn mới đảm bảo được cho nhu cầu của xã hội hiện nay.

Song song đó cần đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn GAP (European Retail Products Good Agriculture Practice).

Hỗ trợ Doanh nghiệp

Chọn đất: Đất để trồng rau phải là đất cao, thoát nước tốt, thích hợp với quá trình sinh trưởng, phát triển của rau. Tốt nhất là chọn đất cát pha, đất thịt nhẹ hoặc đất thịt trung bình có tầng canh tác dày 20-30cm. Vùng trồng rau phải cách ly với khu vực có chất thải công nghiệp nặng và bệnh viện ít nhất 2 km, với chất thải sinh hoạt của thành phố ít nhất 200 m. Đất có thể chứa một lượng nhỏ kim loại nhưng không được tồn dư hoá chất độc hại.

Nước tưới: Vì trong rau xanh chứa trên 90% nước nên việc tưới nước có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm. Nếu có điều kiện nên sử dụng nước giếng khoan, nhất là đối với các vùng trồng rau xà lách và các loại rau gia vị. Nếu không có nước giếng cần dùng nước sông, ao, hồ không bị ô nhiễm. Nước sạch còn dùng để pha các loại phân bón lá, thuốc BVTV... Đối với các loại rau ăn quả giai đoạn đầu có thể sử dụng nước từ mương, sông, hồ để tưới rãnh.

Giống: Chỉ gieo những hạt giống tốt và trồng cây con khoẻ mạnh, không có mầm bệnh. Phải biết rõ lý lịch nơi sản xuất hạt giống. Hạt giống nhập nội phải qua kiểm dịch thực vật. Trước khi gieo trồng, hạt giống phải được xử lý hoá chất hoặc nhiệt. Trước khi trồng cây con xuống ruộng cần xử lý Sherpa 0,1% để phòng và trừ sâu hại sau này.

Phân bón: Mỗi loại cây có chế độ bón và lượng bón khác nhau. Trung bình để bón lót dùng 15 tấn phân chuồng và 300 kg lân hữu cơ vi sinh cho 1 ha. Tuyệt đối không dùng phân chuồng tươi để loại trừ các vi sinh vật gây bệnh, tránh nóng cho rễ cây và để tránh sự cạnh tranh đạm giữa cây trồng và các nhóm vi sinh vật. Tuyệt đối không dùng phân tươi và nước phân chuồng pha loãng tưới cho rau.

Bảo vệ thực vật: Không sử dụng thuốc hoá học BVTV thuộc nhóm độc I và II, khi thật cần thiết có thể sử dụng nhóm III và IV. Nên chọn các loại thuốc có hoạt chất thấp, ít độc hại với ký sinh thiên địch. Kết thúc phun

thuốc hoá học trước khi thu hoạch ít nhất 5 đến 10 ngày. Ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học như Bt, hạt củ đậu, các chế phẩm thảo mộc, các ký sinh thiên địch để phòng bệnh. Áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt để phòng trừ tổng hợp IPM như: Luân canh cây trồng hợp lý, sử dụng giống tốt không bệnh, chăm sóc cây theo yêu cầu sinh lý...

Thu hoạch, đóng gói: Rau được thu hoạch đúng độ chín, loại bỏ các lá già, héo, quả bị sâu, dị dạng. Rau được rửa kỹ bằng nước sạch, để ráo cho vào bao, túi sạch trước khi mang đi tiêu thụ tại các cửa hàng. Trên bao bì phải có phiếu bảo hành ghi rõ địa chỉ nơi sản xuất nhằm đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng.

Nếu đảm bảo được các nguyên tắc sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn GAP trên, thì thực phẩm rau an toàn của Lâm Đồng sẽ được người tiêu dùng ưa chuộng, không làm ảnh hưởng tới môi trường và xã hội..., không những vậy, mà còn nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường rau khi chúng ta đã tham gia Tổ chức thương mại thế giới, mở ra thị trường tiêu thụ rộng rãi trong và ngoài nước.■



Trồng xen canh nhằm giảm thiệt hại, giảm chi phí trong phòng trừ dịch hại

CHẤT LƯỢNG MŨ BẢO HIỂM TRÊN THỊ TRƯỜNG LÂM ĐỒNG

HỒ QUỐC THANH

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Hiện nay, an toàn giao thông là một vấn đề hết sức cấp bách và mang tính nhạy cảm. Để đảm bảo an toàn giao thông và hạn chế số người chết do tai nạn giao thông gây ra, một số giải pháp cấp bách nhằm kiểm chế tai nạn giao thông đã được áp dụng. Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với người đi xe mô tô, gắn máy. Trước tình hình đó việc cung cấp mũ bảo hiểm đảm bảo chất lượng là vấn đề được quan tâm của mọi người. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Chi cục TCĐLCL đã tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành với Chi cục Quản lý Thị trường để kiểm tra việc thực hiện các quy định nhà nước về chất lượng và ghi nhãn hàng hóa đối với các sản phẩm mũ bảo hiểm cho người đi xe máy đang lưu thông trên thị trường Lâm Đồng.

Dưới đây là kết quả ghi nhận được qua đợt kiểm tra:

Hiện tại tỉnh Lâm Đồng chưa có cơ sở nào sản xuất mũ bảo hiểm. Các sản phẩm mũ bảo hiểm trên thị trường tỉnh có từ 02 nguồn: sản xuất trong nước và nhập khẩu nên rất đa dạng về chủng loại, mẫu mã... với 03 loại chính: bảo vệ nửa đầu, bảo vệ đầu và tai, bảo vệ đầu và cằm với các nhãn hiệu phổ biến như: Heros, Azura, Amoro, VR1, Protec, Andes, Omono, Nasa, Honda New fashion, X-moto, fower Hamlet, Honda, Star, ... Phần lớn các sản phẩm đều công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn TCVN 5756: 2001 và dán tem hợp chuẩn CS, riêng mũ bảo hiểm đối với trẻ em thì chưa có cơ sở nào công bố phù hợp tiêu chuẩn TCVN 6979: 2001. Đối với mũ bảo hiểm nhập khẩu đều được

kiểm tra chất lượng và có dán tem của cơ quan kiểm tra.

Về nhãn hàng hóa: Hầu hết các sản phẩm mũ bảo hiểm được kiểm tra đều ghi nhãn chưa đúng quy định (TCVN 5756: 2001 và TCVN 6979: 2001).

Về xuất xứ hàng hóa: Chi cục Quản lý thị trường Lâm Đồng đã tịch thu 37 mũ bảo hiểm mang nhãn hiệu Amoro, AK, TQS không rõ nguồn gốc xuất xứ của Cơ sở kinh doanh Hướng Dương, số 01 Lê Thị Pha, Bảo Lộc và cơ sở kinh doanh Hưng Từ Sơn, số 05 Khu Hoà Bình, Đà Lạt và đã xử phạt với số tiền 2.500.000 đồng.

Về chất lượng: Đoàn đã tiến hành lấy 06 mẫu mũ bảo hiểm gửi Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 để kiểm nghiệm. Kết quả có 5 mẫu không đạt mang nhãn hiệu Heros-SR của Công ty TNHH Long Huei, VR1 của Công ty TNHH Thu Sport, Nasa của Công ty nhựa Thái Bình, Honda New fashion của Công ty nhựa Nghĩa Phát, Star của Công ty nhựa TNHH SX-TM-DV Tân Tiến S.K.

Qua kiểm tra, hầu hết các cơ sở kinh doanh đều không nắm rõ mũ bảo hiểm là sản phẩm bắt buộc phải kiểm tra về chất lượng và ghi nhãn hàng hóa, do đó không xuất trình được các giấy tờ chứng nhận liên quan đến nhãn, dấu, tem phù hợp tiêu chuẩn, ...

*** Khuyến cáo đối với Người tiêu dùng**

Để bảo vệ quyền lợi của chính mình, Người tiêu dùng khi mua mũ bảo hiểm cần nhận biết các nội dung cần thiết sau:

(Xem tiếp trang 14)

HỘI THẢO KHOA HỌC, TRIỂN LÃM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2007

NGUYỄN HỮU NAM
Sở KH&CN Lâm Đồng

Được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh và Sở Bưu chính Viễn thông Lâm Đồng tổ chức Hội thảo khoa học và triển lãm CNTT và truyền thông tỉnh Lâm Đồng năm 2007 (gọi tắt là "Info-techmart Đà Lạt 2007"). Info - Techmart Đà Lạt 2007 nhằm đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, tạo các cơ hội giao lưu, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cùng lĩnh vực, nâng cao chất lượng sản phẩm, hỗ trợ và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập quốc tế... Chú trọng các giải pháp, phần mềm, phần cứng và mạng phục vụ các lĩnh vực: du lịch, thương mại điện tử, phát triển nông nghiệp nông thôn, cung cấp dịch vụ hành chính công, dịch vụ công ích trực tuyến, phát triển tài sản trí tuệ và một số lĩnh vực khác như y tế, giáo dục...

Tại Info-Techmart Đà Lạt đã tổ chức hội thảo về "Thực trạng và định hướng phát triển CNTT và truyền thông tỉnh Lâm Đồng"; "Các giải pháp ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp" với nhiều vấn đề được quan tâm như: Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, Kinh nghiệm triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước tại TP. Hồ Chí Minh...

Hoạt động triển lãm đã thu hút được 30 đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT và truyền thông tham gia triển lãm với 36 gian hàng. Các tổ chức, đơn vị,

doanh nghiệp đã giới thiệu nhiều công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới trong lĩnh vực CNTT và viễn thông; cũng như những phần mềm, giải pháp có giá trị có thể áp dụng trong các doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng. Qua Info-techmart 2007, Sở KH&CN Lâm Đồng và Công ty cổ phần Tin học Lạc Việt đã có buổi làm việc và ký ghi nhớ trong việc hình thành dự án hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng khi áp dụng các giải pháp có bản quyền hợp pháp của Lạc Việt.

Đã có trên 1.000 lượt người truy cập vào trang thông tin điện tử của tỉnh Lâm Đồng để tìm hiểu về Info-Techmart Đà Lạt theo địa chỉ: www.dalat.gov.vn/techmart. Info-techmart Đà Lạt 2007 diễn ra trong điều kiện không thuận lợi về thời tiết khiến số lượng khách tham quan giảm nhưng cũng đã đạt được những thành công nhất định. Qua đó, hy vọng lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông sẽ được các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn để nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. ■



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐIỂM THÔNG TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP XÃ

DƯƠNG KHAI ĐỊNH

Phòng Thông tin và SHTT - Sở KH&CN Lâm Đồng

Triển khai thực hiện quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2006-2010 với mục tiêu đến năm 2010 sẽ xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin Khoa học Công nghệ (TTKH&CN) và tổ chức mạng lưới các điểm cung cấp TTKH&CN cấp xã/huyện. Trong 02 năm vừa qua, Sở KH&CN đã triển khai Dự án xây dựng các mô hình “Điểm TTKH&CN” phục vụ nông nghiệp nông thôn. Qua đó đã xây dựng được 21 điểm TTKH&CN tại phòng Công thương các huyện và một số xã trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường hoạt động phổ biến thông tin KH&CN phục vụ nông thôn, tạo điều kiện giúp người dân tìm được những thông tin cần thiết cho sản xuất và phục vụ đời sống; góp phần thúc đẩy việc chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

Danh sách 21 điểm TTKH&CN đã được xây dựng: Huyện Đơn Dương: phòng Công thương, thị trấn Thạnh Mỹ và xã Lạc Lâm; Huyện Đam Rông: phòng Công thương, xã Phi Liêng và xã Đa Rsal; Huyện Di Linh: phòng Công thương, xã Tân Nghĩa và xã Hòa Bắc; Huyện Lâm Hà: phòng Công thương và thị trấn Nam Ban; Huyện Lạc Dương: phòng Công thương và thị trấn Lạc Dương; Thành phố Đà Lạt: xã Xuân Thọ và Sở KH&CN; 06 điểm khác đặt tại phòng Công thương các huyện Đức Trọng, Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tánh, Cát Tiên và thị xã Bảo Lộc.

Các điểm TTKH&CN được trang bị một thư viện điện tử KH&CN nông thôn, đây là kho tài liệu bách khoa đa lĩnh vực với hơn 50.000 tư liệu. Đồng thời, các địa phương nơi có điểm TTKH&CN đều có một website nhằm giới thiệu thông tin và quảng bá về các sản phẩm, thế mạnh của địa phương tại địa chỉ www.dalat.gov.vn/thongtinxa.

Việc hình thành các điểm TTKH&CN là điều kiện giúp bà con nông dân tiếp cận với các thông tin mới, hỗ trợ cho sản xuất và trang bị thêm các kiến thức cần thiết trong đời sống. Những thông tin KH&CN về nông nghiệp, nhất là việc phổ biến các quy trình kỹ thuật (trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh,...), và những kiến thức có liên quan đến kinh tế hộ gia đình, phát triển kinh tế trang trại là những vấn đề mà bà con nông dân và cả cán bộ kỹ thuật ở huyện, xã đang rất quan tâm.

Thông qua sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể như khuyến nông, hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, khu phố, thôn... nên số lượt người dân đến điểm tìm thông tin ngày càng gia tăng.

Ngoài trọng tâm là cung cấp thông tin KH&CN cho bà con nông dân, các điểm TTKH&CN cũng đóng vai trò quan trọng việc cung cấp thông tin, tư liệu KH&CN cho cán bộ công chức, các cán bộ khuyến nông,... phục vụ cho công tác quản lý cũng như triển khai sản xuất trên các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và qua đó tuyên truyền phổ biến đến người dân.

Đến nay, tuy hoạt động của các điểm
(Xem tiếp trang 22)

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở CẤP HUYỆN THỜI GIAN QUA

PHAN VĂN ĐÁT
Sở KH&CN Lâm Đồng

Hoạt động Khoa học Công nghệ (KH&CN) trên địa bàn cấp huyện tại tỉnh Lâm Đồng được triển khai từ năm 2003, tuy nhiên chỉ mới bó hẹp trong phạm vi thực hiện công tác báo cáo thống kê các số liệu liên quan đến KH&CN trên địa bàn. Năm 2005, căn cứ Thông tư số 15/2003/TTLT-BKH&CN-BNV của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Nội vụ đã có Hướng dẫn liên ngành số 299/HD-LN về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của cơ quan giúp UBND huyện quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ, các địa phương đã chính thức có tổ chức quản lý KH&CN trên địa bàn cấp huyện. Nhiệm vụ này do các phòng Công thương cấp huyện, riêng thành phố Đà Lạt do phòng Công Nông nghiệp thành phố đảm nhận.

Hiện nay tất cả các huyện đã có bố trí nhân sự, tuy là kiêm nhiệm, để theo dõi hoạt động khoa học và công nghệ. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ đã tạo điều kiện cho cán bộ quản lý về KH&CN cấp huyện tham gia các lớp tập huấn của Trường Nghiệp vụ quản lý Khoa học Công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) nhằm cập nhật thông tin và nâng cao nghiệp vụ triển khai hoạt động KH&CN trên địa bàn.

Hoạt động khoa học công nghệ ở cấp huyện đã dần ổn định và có những tác động thiết thực với sản xuất và đời sống tại địa phương. Nhiều huyện đã phối hợp với sở tham gia quản lý một số hoạt động về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng trên địa bàn. Tất cả các huyện đã thành lập Hội đồng KH&CN cấp huyện.

Năm 2007, đã có 28 các đề tài, dự án cấp huyện với tổng kinh phí 1.515 triệu đồng phục vụ các nhu cầu cấp thiết ở địa phương. Nội dung chủ yếu là triển khai điểm thông tin KH&CN cấp huyện, tổ chức ứng dụng tiến bộ KH&CN, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, phát triển ngành nghề và chế biến sản phẩm chè, cà phê...

Do lần đầu tổ chức quản lý các đề tài dự án, ngoài một số huyện đảm bảo đúng quy trình, tiến độ; nhiều huyện còn lúng túng và tổ chức thực hiện chậm nên đã gặp khó khăn trong việc triển khai các đề tài dự án. Việc quản lý một số đề tài/dự án chưa được thống nhất có thể ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hiện. Vì thế việc giải ngân kinh phí của năm 2007 sẽ khó thực hiện đúng tiến độ.

Tuy nhiên, qua hoạt động KH&CN cấp huyện năm 2007, các cấp lãnh đạo và đồng bào địa phương đã nhận thấy vai trò của khoa học công nghệ, từng bước tiếp cận, ứng dụng vào trong đời sống và sản xuất của bà con vùng sâu, vùng xa. Các điểm thông KH&CN ở các xã đã cung cấp nhiều thông tin thiết thực, giúp bà con ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi của từng hộ gia đình. Các mô hình mang tính cầm tay chỉ việc như dự án "Trồng rau xanh ở vùng đồng bào dân tộc xã Bảo Thuận huyện Di Linh" giúp bà con cả một vùng từ chỗ không biết trồng rau, đã trồng thành công rau cải, đậu leo phục vụ cho nhu cầu gia đình và có sản phẩm đem bán...

Trước mắt để nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN cấp huyện, tập trung cho hiệu

quả ứng dụng vào phát triển kinh tế, tránh lãng phí kinh phí khoa học trong thực hiện các mô hình, dự án/đề tài, các địa phương cần kịp thời soát xét lại chương trình, kế hoạch công tác, đánh giá hiệu quả, xác định những công việc chưa làm và làm chưa có hiệu quả để có kế hoạch cụ thể hoàn thành nhiệm vụ của năm 2007. Trong đó đặc biệt tăng cường quản lý các đề tài/dự án đang triển khai một cách chặt chẽ hơn. Đối với các mô hình đã xây dựng cần phải nghiên cứu giải pháp hợp lý để duy trì, phát triển và nhân rộng.

Để xây dựng kế hoạch KH-CN cấp huyện năm 2008, các đơn vị đã đề xuất hơn 35 nhiệm vụ với kinh phí gần 3.400 triệu đồng nội dung chủ yếu là ứng dụng KH-CN vào sản xuất và đời sống; giải quyết các vấn đề bức xúc trong phát triển KT-XH... Thông qua các đề tài, dự án để chuyên giao các mô hình ứng dụng KH-CN đã được khẳng định, qua

đó nhân rộng và phát huy hiệu quả trong sản xuất và đời sống của đồng bào địa phương. Sở KH&CN cần cùng với các huyện thống nhất kế hoạch hoạt động KH-CN cấp huyện năm 2008. Nguồn ngân sách KH-CN có thể được huy động từ 2 nguồn: cấp tỉnh cân đối hỗ trợ và ngân sách cấp huyện.

Nhìn chung, thực tế hoạt động KH-CN cấp huyện trong thời gian vừa qua phần lớn chỉ chú trọng ứng dụng KH-CN vào sản xuất và đời sống. Thời gian tới cần phải quan tâm hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về KH-CN; Tăng cường các hoạt động TCĐLCL, áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến trong sản xuất; Phối hợp quản lý Nhà nước về Công nghệ và An toàn bức xạ hạt nhân; Quản lý Sở hữu trí tuệ... để từng bước thực hiện toàn diện chức năng quản lý được giao. ■

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐIỂM THÔNG TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP XÃ

(Tiếp theo trang 20)

TTKH-CN mới trong giai đoạn ban đầu song đã mang lại một số hiệu quả thiết thực. Các thông tin, tài liệu KH-CN được khai thác sử dụng chủ yếu thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, các sản phẩm cây trồng vật nuôi là thế mạnh của từng địa phương. Đa số các thông tin khai thác tại điểm TTKH-CN đều được người dân ứng dụng vào thực tế sản xuất, trực tiếp xây dựng quy trình mới hoặc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung các quy trình sản xuất, nuôi trồng đang sử dụng theo hướng dẫn của tài liệu kỹ thuật... bước đầu đã có những hiệu quả rõ rệt, một số hộ nông dân áp dụng tiên bộ KH-CN mới vào sản xuất đã thu được sản phẩm với chất lượng và sản lượng đạt yêu cầu.

Trong quá trình hoạt động và cung cấp thông tin của các điểm TTKH-CN, về cơ bản các nội dung thông tin đã đáp ứng được yêu cầu của người dân, tuy nhiên vẫn còn một số

hạn chế các thông tin KH-CN, như thiếu các tài liệu kỹ thuật liên quan đến các sản phẩm đặc thù của địa phương; và một số tư liệu chưa được cập nhật. Để giải quyết vấn đề này, Phòng TT-SHTT Sở KH&CN đang triển khai cập nhật, bổ sung các tư liệu, nhất là các tư liệu KH-CN của địa phương.

Với 21 điểm TTKH-CN đã xây dựng sẽ là cơ sở cho việc nhân rộng mô hình đến các xã khác nhằm phân đầu đến năm 2010 sẽ có từ 40-50 điểm TTKH-CN trên toàn tỉnh giúp bà con nông dân tiếp cận với các thông tin mới, hỗ trợ cho sản xuất, trang bị thêm các kiến thức cần thiết trong sinh hoạt đời sống góp phần nâng cao trình độ của cộng đồng dân cư khu vực nông thôn. Ngoài ra, thông qua mô hình này có thể từng bước hình thành mạng lưới thông tin KH-CN rộng khắp nhằm phát huy hơn nữa vai trò then chốt của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. ■

ĐÈ HOA ĐÀ LẠT GẮN BÓ VỚI ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

ĐOÀN QUANG HUY
Sở KH & CN Lâm Đồng

Thật khó tưởng tượng vào các dịp lễ hội hay những ngày tết cổ truyền của dân tộc lại thiếu vắng những cảnh hoa muôn màu tô điểm cho đời sống văn hoá tinh thần của con người. Đà Lạt- Lâm Đồng được thiên nhiên ưu đãi thích hợp cho việc trồng nhiều loại hoa ôn đới quanh năm. Đây là một lợi thế so sánh rất lớn không phải nơi nào cũng có được. Không những thế Đà Lạt còn được mệnh danh là “Thiên đường của các loài hoa” không chỉ làm đẹp cho đời, cho người, đem lại thu nhập kinh tế cao cho người nông dân, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước mà còn thúc đẩy chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2004-2010 theo Quyết định số 56/QĐ-UB ngày 2/4/2004 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Sau hơn nửa thế kỷ phát triển và đặc biệt từ năm 2005, chính quyền tỉnh Lâm Đồng tổ chức thành công Festival hoa lần thứ nhất, thì ngành trồng hoa thành phố Đà Lạt đã có những thành tựu đáng kể. Tính đến nay diện tích trồng hoa tăng khoảng 2 lần và kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 4 lần hoa so với năm 2001. Trong 6 tháng đầu năm 2007, kim ngạch xuất khẩu hoa của toàn tỉnh Lâm Đồng đạt 4,5 triệu USD, tăng 23% so với cùng kỳ 2006. Nếu năm 1995 diện tích trồng hoa của Đà Lạt chỉ có 90 ha, sản lượng hoa cắt cành là 83 triệu cành thì đến năm 2005 diện tích lên đến 425 ha, sản lượng hoa cắt cành đã lên tới 330 triệu cành, sản lượng hoa xuất khẩu trung bình đạt từ 15%- 20% đánh dấu sự lớn mạnh của ngành hoa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Hiện nay bên cạnh những chủng loại hoa truyền thống như hoa Hồng, Cúc, Layon, Lys, Cẩm chướng, Địa lan... còn có sự hiện diện của hơn 100 giống hoa được nhập từ Ý, Hà Lan, Nhật Bản, Úc, Đài Loan làm phong phú thêm tập đoàn giống hoa hiện có của địa phương. Các đề tài khoa học: Nghiên cứu các phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật để sản xuất các loại giống hoa mới; mô hình sản xuất hoa cắt cành theo hướng công nghiệp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu giá thể tổng hợp trồng cây địa lan và một số loại cây cảnh có giá trị; quy trình trồng các giống hoa ngắn ngày... đã giải quyết nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn, tìm ra hướng đi mới phù hợp với điều kiện sản xuất và từng bước nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm ngành sản xuất kinh doanh hoa ở địa phương. Đây là kết quả nổi bật của mối liên kết giữa nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất. Qua điều tra, ước tính sản xuất nông nghiệp thành phố Đà Lạt “bảo đảm việc làm và nuôi sống cho hơn 30% dân số” của thành phố.

Đề Đà Lạt trở thành một trung tâm nghiên cứu, sản xuất hoa và giống hoa thương phẩm lớn nhất cả nước nhất thiết phải xây dựng hạ tầng cơ sở và luận cứ khoa học để quy hoạch phát triển một số giống hoa chất lượng cao nhằm khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất. Giải quyết nhiệm vụ này đòi hỏi các giải pháp đồng bộ cùng với sự nỗ lực và quyết



tâm của chính quyền địa phương, các ngành chức năng, tổ chức chính trị-xã hội, các thành phần kinh tế tại địa phương. Thiết nghĩ cần có những quyết sách và việc làm cần thiết sau:

- Hình thành ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất hoa theo hướng công nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực có trình độ khoa học kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật để nâng cao tính chuyên nghiệp và đáp ứng nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng.

- Quan tâm chỉ đạo tổng kiểm kê, công bố dữ liệu quỹ đất nông nghiệp, đánh giá hiệu quả sử dụng đất, điều tra về sản lượng, hiệu quả kinh doanh, số hộ, số nhân khẩu sản xuất hoa, phát triển quỹ đất công dành cho ngành hoa làm căn cứ cho việc ban hành quyết định quy hoạch ngành hoa một cách lâu dài và vững chắc.

- Thành lập cơ quan có chức năng cung cấp, lưu trữ, giám sát thông tin liên quan đến quỹ đất, số lượng trang trại, chủng loại hoa, sản lượng, doanh thu, dự báo thị trường để các doanh nghiệp trong và ngoài nước tra cứu trao đổi thông tin.

- Ban hành quy chế xét công nhận hoa chất lượng cao, xây dựng thương hiệu Hoa Đà Lạt để thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các cơ sở sản xuất, tránh cạnh tranh không lành mạnh và tăng cường sức cạnh tranh với các địa phương khác.

- Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng điểm giao dịch điện tử phục vụ việc đấu giá, kinh doanh các loại hoa, lắp đặt bảng quảng cáo điện tử cho ngành hoa tại trung tâm thành phố và chiếu phát trong dịp lễ hội, những ngày lễ cao điểm trong năm.

- Định kỳ hàng năm và trước mùa lễ hội hoa cần tổ chức cho người dân thành phố bình chọn các loại hoa quý, mới để chọn lọc, giới thiệu quảng bá; tổ chức hội thi người trồng hoa giỏi, thi cắm hoa... để tôn vinh giá trị ngành hoa và người trồng hoa Đà Lạt.

- Hiệp hội Hoa Đà Lạt cần khẳng định vai trò đại diện của mình để tham gia với chính quyền, các ngành hữu quan để xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển ngành hoa, tổ chức diễn đàn đối thoại giữa hội viên và các đối tác liên quan.

Ngoài ra, cần động viên, khơi dậy niềm tự hào của người dân trên xứ sở Hoa đồng thời có chính sách khuyến khích họ đầu tư phát triển kinh tế hộ gia đình bằng việc trồng hoa Địa lan, hoa cắt cành, hoa chậu, chăm sóc cây giống, cây cảnh, cho thuê hoa phục vụ triển lãm, hội chợ, tận dụng diện tích đất hiện có để trồng ở vườn, trên sân thượng, treo tại cửa sổ, nơi làm việc, trồng cây lấy bóng mát, vừa làm đẹp nhà, vừa góp phần tạo nên bộ mặt thành phố du lịch văn minh, hấp dẫn và thân thiện hơn. Có như vậy mới tạo nên những Festival hoa ấn tượng, độc đáo trong lòng du khách bốn phương, tác động tích cực cho cơ hội thu hút đầu tư phát triển, thúc đẩy kinh tế-xã hội địa phương tăng trưởng. ■

Tài liệu Tham khảo

- *Nông nghiệp Đà Lạt sau năm 1975* (phần Báo cáo quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp thành phố Đà Lạt giai đoạn 1997-2010).

- *Báo cáo khoa học tại hội nghị phát triển sản xuất Hoa Đà Lạt- Lâm Đồng theo hướng công nghiệp*. Năm 2002.

- *Báo cáo tổng kết 25 năm hoạt động KHCN tỉnh Lâm Đồng*. Sở KH&CN tỉnh Lâm Đồng năm 2004.

- Trả lời phỏng vấn của Giám đốc Trung tâm xúc Du lịch thương mại và đầu tư tỉnh Lâm Đồng trên Báo Lâm Đồng. (Tháng 7/2007).

ABC ĐÀ LẠT (BỔ SUNG)

NGUYỄN HỮU TRANH

ĐAN KIA

* Tên một con đường dài 4 km, lộ giới: 20 m, nối với đường Xô-viết Nghệ Tĩnh ở phường 7.

* Đặc điểm: Đường chạy ngang qua khóm (ấp) Phước Thành (cây số 9). Đa số cư dân sống bằng nghề trồng rau.

Ở Lạc Dương, đường Đan Kia có hai ngã: một ngã dẫn đến trung tâm thị trấn Lạc Dương và một ngã đến hồ Đan Kia.

Hồ Đan Kia (Đăng Kia, Dankia, Dankir), rộng 22 ha, được hình thành năm 1984 sau khi đắp đập ngăn nước sông Đa Đồng. Du khách có thể nhìn toàn cảnh hồ Đan Kia từ trên đồi Radar (độ cao 1.950m) trên dãy Lang Biang.



Đan Kia có nguồn gốc từ Dang Ja có nghĩa là đồi cỏ tranh (Dang, dor: đồi; ja: cỏ tranh).

ĐÔI MỘNG MƠ

Đôi Mộng Mơ nằm ở phía bắc đường Mai Anh Đào, gần Thung lũng Tình yêu.

Khu du lịch Đôi Mộng Mơ khai trương cuối năm 2003 nhân dịp kỷ niệm 110 năm Đà Lạt hình thành và phát triển.

Đôi Mộng Mơ nguyên là khu du lịch Hồ



Rông. Hồ Rông được khởi công xây dựng từ năm 1978 và chuyển thành khu du lịch từ năm 1992. Tại đây có tượng một con rồng đúc bằng xi măng cốt sắt phun nước do một trạm bơm nước từ hồ Đa Thiện III (Thung lũng Tình yêu) và chuyển lên hồ Thống Nhất. Nhờ địa thế, nước tự động chuyển xuống vùng trồng rau Đa Thiện.

Đến khu du lịch Đôi Mộng Mơ, du khách sẽ tham quan vườn hoa lan, cây cảnh, thiên nhiên hữu tình, thác nước nhân tạo, nhà Việt cổ, vườn thơ Hàn Mặc Tử, tượng cổ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, làng văn hoá dân tộc, trích đoạn Vạn lý trường thành, gian hàng đá cảnh thiên nhiên, khu triển lãm sinh vật lạ, hầm rượu “Mộng Mơ từ”,...

Du khách có thể lưu trú tại khu bungalow với những nhà nghỉ dạng nhà rông. Khu du lịch Đôi Mộng Mơ cũng cho thuê lều dã ngoại, tổ chức lửa trại giao lưu, chương trình ca múa nhạc dân tộc Tây Nguyên trên sân khấu lộ thiên hằng ngày từ 15 giờ đến 22 giờ theo yêu cầu của du khách.

ĐỒNG TÂM

* Tên một con đường dài 619 m, lộ giới: 10 m, nối với đường Hoàng Văn Thụ (gần chợ Nam Thiên) ở phường 4.

* Đồng tâm: chung lòng.

GIO AN

* Tên một con đường dài 500 m, lộ giới: 10 m, nối với đường Hoàng Văn Thụ (gần thác Cam Ly) ở phường 5.

* Thánh Gioan quê ở Beth-sai-đa (xứ Ga-li-lê-a).

Trước khi theo Chúa Giê-su, ông làm nghề chài lưới.

Trong số 12 môn đệ, ông là người được Chúa Giê-su yêu thương đặc biệt.

Ông là tác giả Tin Mừng IV, sách Khải Huyền và nhiều bức thư.

Theo truyền tụng thì ông đã rao giảng Tin Mừng ở các giáo đoàn bên Tiểu Á và qua đời tại E-phê-sô khi tuổi đã cao.

HỒNG MÔN

Hồng môn (*Anthurium andreanum* Lindl., họ *Araceae*) là một loài hoa có nguồn gốc từ Cô-lôm-bi-a, phân bố ở vùng Trung và Nam Mỹ.

Lá hình tim như lá môn. Mo đẹp hình tim có 3 màu: trắng, hồng hay đỏ, phổ biến là màu đỏ.

Đà Lạt có 3 loại hồng môn (đại hồng môn, trung hồng môn và tiểu hồng môn) khác nhau về kích thước, cây có giá trị nhất là đại hồng môn.

Hoa được trồng trong chậu hay trên luống, dùng trang trí trong nhà hoặc sản xuất để cắt cành bán trên thị trường.

HUỲNH TẤN PHÁT

* Tên một con đường dài 2,07 km, lộ giới: 10 m, nối với Quốc lộ 20 (gần Xí nghiệp Xây lắp Bưu điện) ở phường 11. Tên đường được đặt từ năm 2002.

* Đặc điểm: Sau năm 1954, một nhóm Việt kiều ở Lào di cư về Đà Lạt sinh sống ở đường này nên đường được gọi là đường Di cư Lào.

* Huỳnh Tấn Phát (1913-1989) sinh ra trong một gia đình viên chức nhỏ ở xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Sau khi học xong bậc trung học ở Sài Gòn, ông ra Hà Nội học ngành kiến trúc. Trong những năm 1940, ông là một trong những nhân vật nổi bật trong Tổng hội Sinh viên Đông Dương

(AGEI). Tờ tuần báo Thanh niên (1944) do ông làm chủ nhiệm trở thành cơ quan ngôn luận của giới trí thức trẻ.

Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát được kết nạp vào Đảng Cộng sản tháng 3 năm 1945, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền ở Sài Gòn và được cử làm Phó Giám đốc Sở Thông tin Báo chí. Cũng từ đây, ông tạm giã từ chuyên môn, dồn thân vào con đường hoạt động cách mạng chuyên nghiệp.

Khi quân Pháp chiếm lại Sài Gòn, ông bị bắt và kết án tù hai năm. Ra tù, ông tiếp tục hoạt động ở nội thành đến năm 1949 mới ra chiến khu, và được cử làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, rồi Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Sau hiệp định Genève 1954, ông được phân công ở lại nội thành hoạt động. Đầu năm 1959, ông ra vùng giải phóng, được cử làm Ủy viên Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, phụ trách công tác vận động trí thức, tư sản và công tác Mặt trận.

Cuối năm 1960, ông được cử làm Phó Chủ tịch, kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Tháng 6 năm 1969, ông được bầu làm Chủ tịch Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Sáng ngày 14-4-1975, tại sân vận động Đà Lạt, ông đã thay mặt Chính phủ phát biểu trong cuộc mít tinh mừng Đà Lạt giải phóng và trao tặng quân dân Đà Lạt huân chương Thành đồng hạng nhất.

Sau ngày đất nước thống nhất, ông đã lần lượt giữ các chức vụ: Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đại biểu Quốc hội các khóa I, II, III, VI, VII, VIII.

Do công lao và thành tích đối với cách mạng, ông đã được Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh. ■

DU LỊCH CỘNG ĐỒNG - LOẠI HÌNH DU LỊCH HẤP DẪN Ở ĐÀ LẠT

YÊN NGUYÊN

Du lịch cộng đồng (homestay) là một hình thức du lịch văn hoá, phát triển ở Việt Nam cách đây khoảng 15 năm. Đà Lạt được ví là địa phương “đi sau” trong loại hình này vì chỉ mới phát triển từ hơn 1 năm nay nhưng lại đạt được nhiều kết quả khả quan hơn cả một số nơi “đi trước”.

ĐÀ LẠT - CUỘC THỬ NGHIỆM MỚI CỦA HOMESTAY

Ông Nguyễn Văn Nam - Giám đốc Công ty Grand Circle chi nhánh tại Việt Nam - công ty chuyên về phát triển du lịch văn hoá cho biết: Khoảng năm 1993, du lịch cộng đồng được thiết lập ở Sa Pa với hình thức các đơn vị kinh doanh du lịch tạo điều kiện cho du khách được nghỉ ngơi và sinh hoạt như dân địa phương. Hình thức du lịch này được đông đảo du khách ủng hộ và phát triển đến các tỉnh thành khác như Hà Nội, Đắk Lắk... Đầu năm 2006, công ty Grand Circle Việt Nam bắt đầu mở loại hình du lịch cộng đồng tại thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, hướng đi này rơi vào bế tắc vì thành phố Hồ Chí Minh không thích hợp với homestay. Grand Circle cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ du lịch Nhật Đông cùng nghiên cứu một địa điểm mới khả quan hơn để nhận rộng hình thức du lịch đang phổ biến này. Sau những cân nhắc, thành phố Đà Lạt đã được chọn.

Du khách của Grand Circle thông thường là những người lớn tuổi, đã về hưu, đã hoàn thành trách nhiệm với con cái và muốn tận hưởng không khí thanh bình, yên vui. Các gia đình ở Đà Lạt lại có nếp sinh hoạt khá âm cúng, nhẹ nhàng, tình cảm; đó là lợi thế lớn

cho homestay. Với tiêu chí gia đình có kinh tế ổn định, thành viên trong gia đình có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, nhà ở sạch sẽ và an toàn..., 5 hộ gia đình ở Đà Lạt đã được lựa chọn để bắt đầu một cuộc tiếp khách thân thiện. Trong 5 hộ, nghề nghiệp của gia chủ khá đa dạng: người là công chức, người làm nội trợ, có người là chủ hộ kinh doanh... Giới thiệu về lịch trình của du khách, ông Nam cho biết trong chuyến đi kéo dài 19 ngày từ Mĩ sang Việt Nam, du khách sẽ nghỉ lại Đà Lạt trong 2 ngày thứ 13 và 14, trong đó, vào đêm thứ 14, du khách sẽ được sắp xếp đến sinh hoạt tại các gia đình người dân địa phương. Thông thường, mỗi gia đình sẽ đón khoảng 2 đến 4 vị khách quốc tế. Trong cuộc gặp gỡ mang tính chất giao lưu văn hoá này, chủ nhà sẽ tổ chức cho khách cùng tham gia sinh hoạt như các thành viên trong gia đình; rút ngắn khoảng cách về địa lí, ngôn ngữ, phong cách sống để trở thành những người bạn, cùng tìm hiểu về những nét văn hoá độc đáo của người Việt Nam. Tùy vào điều kiện của gia đình mình, các gia đình tự tổ chức sinh hoạt sao cho gần gũi và tự nhiên nhất. Chị Liên - một vệ tinh của homestay Đà Lạt kể rằng chị rất hồi hộp khi đón những vị khách phương xa. Chị đã suy nghĩ nhiều về cách thức tiếp đón sao cho đặc sắc nhưng cuối cùng, chị quyết định giữ nguyên cách sinh hoạt trong gia đình từ trước đến nay. Thật bất ngờ, những vị khách đến nhà chị đều tỏ ra rất hài lòng, họ hỏi chị rất nhiều về mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái, về cách thức cúng tổ tiên ông bà, cùng chị đi dạo quanh những con phố Đà Lạt... Sau một năm hoạt động, Công ty Nhật

Đông đã tổng kết được số khách tham gia du lịch cộng đồng tại Đà Lạt đã tăng theo thời gian và chiếm 12% lượng khách đến du lịch tại thành phố của Công ty. Trong thời gian tới, công ty sẽ cố gắng tăng con số này lên 20-25% và cao hơn nữa. Cuộc thử nghiệm ở Đà Lạt được đánh giá là thành công và đem lại những ấn tượng đẹp cho tất cả những người tham gia.

HOMESTAY - HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẦY TRIỂN VỌNG

Những vệ tinh du lịch homestay tại Đà Lạt có những cách tiếp khách khác nhau nhưng đều có điểm chung là tràn đầy tình cảm thân thiện. Anh Sơn - nhà ở trên đường Bùi Thị Xuân cho biết anh thường đãi khách món chả giò truyền thống của Việt Nam, vừa lạ miệng, dễ ăn, lại đảm bảo vệ sinh cho du khách. Chị Hương - một vệ tinh ở phường 8 nói rằng khách và chủ chỉ khác nhau về màu da, còn tình cảm nồng ấm thì luôn có thể giành cho nhau qua cách đối xử, cách sinh hoạt. Chị nhận thấy khách rất thích tìm tòi về cuộc sống địa phương, thích vui chơi với trẻ con trong nhà và tôn trọng phong tục trong gia đình. Chị Thảo - một công chức hiện công tác tại Đài PT-TH Lâm Đồng, cư ngụ tại phường 8 là một trong những gia đình đầu tiên tham gia vào loại hình này. Vốn khéo léo trong nghề nội trợ, chị có dịp thể hiện khả năng nấu nướng gia chánh qua những bữa cơm đãi khách, cùng khách làm bánh, tía hoa... Chị Thảo cho biết đến nay chị có rất nhiều người bạn quốc tế và họ vẫn liên lạc thường xuyên với nhau. Điều quan trọng nhất đối với chị và gia đình là nhận được là tình cảm của những vị khách phương xa, góp phần sưởi ấm không khí trong nhà, thu nhập không phải là vấn đề chính yếu khi chị quyết định gắn bó với homestay.

Để du lịch homestay phát triển lâu dài và đưa lại nguồn khách đáng kể cho Đà Lạt, sắp tới, ngành du lịch sẽ tổ chức các khoá tập huấn về giao tiếp, đón khách, những kiến thức về du lịch Đà Lạt... cho các hộ gia đình. Theo chị Nguyễn Thị Bích Ngọc- Trưởng phòng

Quản lý du lịch - Sở du lịch - thương mại Lâm Đồng thì "Loại hình du lịch Homestay không những đưa lại nguồn khách quốc tế cho địa phương mà còn góp phần vào mục tiêu "mỗi người dân Đà Lạt là một hướng dẫn viên du lịch". Việc phát triển loại hình này trong thời gian tới hứa hẹn nhiều cơ hội để du lịch Đà Lạt phát triển, tăng tỉ lệ khách quốc tế". Ông Trương Như Quốc Khánh - Giám đốc khu vực phía Nam của Grand Circle cho rằng: "Chặng đầu của homestay, người Đà Lạt đã thể hiện được tính hiếu khách của dân địa phương, homestay không phải là hình thức kinh doanh như những tình thành khác mà đã trở thành những cuộc giao lưu văn hoá, chia sẻ các mối quan tâm đặc biệt thú vị. Sau những đợt giao lưu, trong bản thăm dò ý kiến mà Công ty dành riêng cho khách, hầu hết du khách đều đánh giá thái độ đón tiếp ở mức "excellent" (xuất sắc). Homestay là hướng phát triển đầy hứa hẹn ở thành phố Đà Lạt. Hiện tại Grand Circle đang tiến hành nhân rộng mô hình này đến 5 hộ gia đình mới có thiện chí với homestay". ■



CỎ MỤC - VỊ THUỐC CẦM MÁU THẦN DIỆU

TRẦN DANH TÀI
Hội Đông y Lâm Đồng

Cỏ mục còn gọi là cỏ nhọ nồi (nước vắt cỏ mục có màu đen), đông y gọi là Hạng liên thảo.

Tên khoa học: *Eclipta Alba Hassk.*

Là loại cỏ mọc hoang ở khắp nơi: ven đường, bờ ruộng, bờ ao, bờ mương, trong vườn,... Ít có người Việt Nam nào lại không biết loại cỏ này.

Tác dụng chính của cỏ mục là cầm máu. Bộ phận dùng: thân và lá.

a. Chỉ định điều trị

Rong kinh, rong huyết, băng kinh, băng huyết, trĩ chảy máu, chảy máu cam, vết thương chảy máu, thổ huyết,...

b. Cách sử dụng: Dưới hai dạng tươi hay khô

1. *Cỏ mục tươi:* Lấy khoảng 50 g, rửa sạch, giã nhuyễn, vắt lấy nước uống. Mỗi ngày uống 2-3 lần.

Nếu bị trĩ chảy máu, đổ máu cam, vết thương chảy máu cũng uống như trên, nhưng dùng 1 miếng gạc hay 1 cục bông nhỏ, tẩm nước cỏ mục dịt vào vùng chảy máu.

Thường chỉ sau 10-15 phút đã có kết quả.

2. *Cỏ mục khô:* Lấy khoảng 50 g, sắc với 200 ml nước, còn 50 ml, uống 1 lần. Mỗi ngày uống 2-3 lần.

Ngoài tác dụng cầm máu nhân dân ta còn dùng để điều trị các loại bệnh như: lỵ ra máu, viêm đường tiết niệu, bị rắn cắn (cách làm cũng như trên).

Những người thợ xây còn dùng cỏ mục tươi chà xát vào bàn tay, bàn chân, những vùng tiếp xúc với vôi vữa sau mỗi ngày làm việc để tránh bị "vôi vữa ăn tay".

c. Thu hái và gieo trồng

+ Có thể tìm thấy cỏ mục ở mọi nơi (như đã nói ở trên).

- Dùng tươi: Lấy cả thân và lá.

- Dùng khô: Lấy cả thân và lá đem phơi khô.

+ Gieo trồng:

Theo kinh nghiệm của các nhà đông y, mỗi gia đình, mỗi trạm y tế xã, phường nên trồng lấy một vài khóm. Cách trồng rất đơn giản: Hoặc là lấy cây non về trồng hoặc là lấy hạt già về gieo. Khi cỏ mục đã mọc thì hàng ngày tưới bằng nước sạch hay nước vo gạo.

Ghi chú:

- Cỏ mục không độc, dễ sử dụng, khi bị các căn bệnh trên, bà con cứ mạnh dạn sử dụng. Nếu bệnh nặng, trước khi chuyên viện, bà con nên sơ cứu bệnh nhân bằng cỏ mục để cầm máu tạm thời.

- Đã có một số công trình nghiên cứu về tác dụng cầm máu của cỏ mục và người ta nhận thấy rằng: cỏ mục có tác dụng cầm máu tức thời và hiệu quả hơn sinh tố K. ■

KỸ THUẬT TRỒNG CÂY SA NHÂN

(Tiếp theo trang 30)

dầu là Sa nhân đường kém giá trị. Thu hoạch quả Sa nhân còn non sẽ cho hạt không mẩy, vị không chua cũng kém giá trị.

Khi thu hoạch dùng kéo hay dao sắc cắt chùm quả.

* Phơi sấy

Hạt Sa nhân phải phơi đủ 4-5 nắng mới khô kiệt, không mốc. Cần dự trữ than củi, lò sấy phòng khi mưa.

Cứ 10 kg quả Sa nhân tươi sau khi phơi cho 1,5-1,8 quả khô, bóc ra được 0,7-0,8 kg hạt.

Sa nhân là một mặt hàng xuất khẩu có giá trị, thường được thị trường châu Á ưa chuộng từ lâu. Đây là một trong các tiềm năng về xuất khẩu lâm đặc sản ngoài gỗ của nước ta. ■

KỸ THUẬT TRỒNG CÂY SA NHÂN

PHAN VĂN TÝ

Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng

Trong năm 2007, Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng tiến hành trồng thử nghiệm cây Sa nhân dưới tán vườn cây lâu năm, vườn rừng tại các huyện Đức Trọng, Di Linh, Đạ Huoai nhằm bổ sung thêm đối tượng cây lâm đặc sản có giá trị kinh tế, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu các đặc tính, kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch Sa nhân:

Sa nhân có tên khoa học là *Amomum sp.*, thuộc họ Gừng (*Gingiberaceae*) là vị thuốc quan trọng trong Đông y; chuyên trị các bệnh đường ruột, phong tê thấp, sốt rét,... ngoài ra, Sa nhân còn được dùng trong kỹ nghệ hương liệu.

Ở nước ta có khoảng 16 loài Sa nhân phân bố trong rừng tự nhiên, trước đây hoàn toàn thu hái trong rừng tự nhiên nên sản lượng thường bấp bênh, không ổn định. Trong sản xuất, người dân đã tuyển chọn một số loài Sa nhân cho chất lượng tốt, sản lượng cao là Sa nhân tím, Sa nhân đỏ và Sa nhân xanh.

Sa nhân sinh sản bằng thân ngầm bò ngang dưới mặt đất, từ thân ngầm mọc lên các thân ký sinh, quả mọc từ gốc cây mẹ. Sa nhân được trồng bằng các đoạn thân ngầm có mang thân ký sinh bánh tẻ (1-2 năm). Sa nhân còn được gieo hạt tạo cây con nhưng thời gian dài hơn. Sa nhân sống thích hợp ở vùng núi, độ cao 100-800 mét so với mặt nước biển, lượng mưa trung bình 1.500-3.000 mm, là cây chịu bóng với độ tàn che 50-60%. Cây thường phân bố dưới tán các khu rừng thứ sinh, đất ẩm mát nhưng thoát nước, phát triển tốt ở ven khe suối, thung lũng, chân đất đồi núi thấp. Dưới ánh sáng trực xạ cây sinh trưởng xấu, lá bị vàng.

- Thời vụ trồng:

Miền Bắc trồng vào mùa Xuân, miền Nam trồng vào đầu mùa mưa (tháng 6-7 hàng năm).

- Chọn đất trồng:

Chọn các vườn cây lâu năm, vườn rừng gần sông, suối, đất sâu ẩm, tốt nhất nơi có độ cao trên 300 mét.

- Làm đất:

Làm sạch cỏ dại, đặc biệt là cỏ tranh phải đào tận gốc, phát dọn cây bụi giữ độ tàn che ít nhất 50%. Cuốc hố kích thước 30 x 30 x 30 cm theo đường đồng mức, khoảng cách cây - cây : 2 x 2 m, hàng - hàng: 2 x 2m.

- Trồng cây:

Đặt cây ngay ngắn giữa hố, xé bỏ vỏ bầu, lấp đất, nén chặt. Sa nhân trồng nông, chặt đất để chóng bén rễ. Khi trồng lấp đất cao hơn mặt hố 2-3 cm.

- Chăm sóc:

Làm sạch cỏ dại xung quanh cây trồng; chú ý làm cỏ không làm long gốc hay tổn thương cây. Làm cỏ, vun gốc 2-3 lần trong năm kết hợp chăm sóc cây trồng trong vườn; nếu cây phát triển kém cần bón thêm phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh.

- Thu hoạch:

Sa nhân ra hoa vào tháng 3, thu hoạch tháng 7-8 (Sa nhân tím có 2 vụ thu hoạch là Hè và Đông), Sa nhân đỏ thu hoạch vào tháng 8; Sa nhân sau khi trồng 1-2 năm cây cho quả bói, các năm sau mới cho sản lượng ổn định (từ năm thứ 4 trở đi). Mỗi ha có thể cho thu hoạch khoảng 100-150 kg quả khô. Thu hái Sa nhân phải đúng thời vụ chất lượng mới cao.

Sa nhân thu đúng tuổi gọi là Sa nhân hạt cau, chất lượng tốt nhất. Thu hoạch quả chính khoảng 20 ngày, vỏ quả màu đỏ tía, kẽ gai thưa, quả cứng. Để quả chín mọng (quả 5-7 ngày) mới thu hái thì quả mềm, ngọt hết cay, ít tinh

(Xem tiếp trang 29)

NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN MỘT SỐ RAU, QUẢ TƯƠI TẠI ĐÀ LẠT

PHAN CÔNG DU
Sở KH & CN Lâm Đồng

Công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản từ lâu đã được xem là một ngành khoa học quan trọng, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm hàng hoá, đặc biệt là đối với các nông sản xuất khẩu. Đà Lạt là nơi có nhiều chủng loại rau quả đặc trưng chất lượng cao và tiềm năng phát triển rất lớn. Rất nhiều chủng loại rau được sản xuất, trong đó chiếm phần lớn là các loại cây họ thập tự (cải bắp, cải thảo, súp lơ, xà lách,...), còn lại là các loại cây có củ, quả (khoai tây, carốt, cà chua,...) và các loại rau đậu khác. Nhiều nước trên thế giới ưa thích rau quả Việt Nam đặc biệt là rau quả Đà Lạt, nhưng đến nay chỉ có một phần rất nhỏ rau quả Đà Lạt được xuất khẩu bằng đường hàng không và một số ít bằng đường biển đối với các nước gần kề. Mặt khác, do công nghệ bảo quản nông sản xuất khẩu còn nhiều hạn chế, không thể lưu trữ lâu dài, cộng với giá cước vận chuyển rất đắt nên không cạnh tranh được với rau quả các nước lân cận như Thái Lan, Mã lai...

Riêng Đà Lạt sản lượng rau quả hằng năm lên đến 210.000 tấn, nhưng do chưa có quy trình bảo quản sau thu hoạch thích hợp nên chủ yếu tiêu thụ nội địa và số lượng hao hụt cao lên đến trên 17%. Năm 2004, Đà Lạt xuất khẩu rau quả khoảng 11.000 tấn, doanh thu khoảng 9 triệu USD, năm 2006 xuất khẩu được 15.000 tấn doanh thu chỉ khoảng 11 triệu USD. Sản phẩm tăng nhưng giá trị tăng không tương xứng do bảo quản không tốt làm cho tỷ lệ hư hỏng cao.

Từ thực tế đó, nhằm nghiên cứu chọn ra một công nghệ bảo quản hữu hiệu, có thể lưu trữ rau quả được dài ngày không bị hư thối trong quá trình xuất khẩu bằng đường biển, với chi phí vận chuyển thấp và có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã hỗ trợ Hiệp Hội rau quả Đà Lạt thực hiện đề tài “nghiên cứu hoàn thiện công nghệ bảo quản rau quả tươi xuất khẩu”. Các sản phẩm thử nghiệm gồm cải bắp, cải thảo, súp lơ, hoa atiso, cà rốt, khoai tây và dâu tây.

Để hoàn thiện được các quy trình cho từng đối tượng sản phẩm, nhiều phương pháp đã được nghiên cứu thử nghiệm như: sát trùng bề mặt rau quả, chần rau quả trong thời gian xác định, điều chỉnh nhiệt độ và ẩm độ bảo quản, điều chỉnh pH trên bề mặt rau quả, khử ethylen trong rau quả, dùng màng bán thấm,...

Kết quả đã hoàn thiện được các quy trình bảo quản gồm:

- Quy trình bảo quản cải bắp, cải thảo

Sản phẩm trước tiên được chần với hơi nước sôi ở nhiệt độ 100°C trong 1 phút, kế đó bôi dung dịch Ca(OH)₂ bão hoà vào nơi cắt cuống và phun đều dung dịch citric acid 1% vào chung quanh sản phẩm. Sau đó đưa vào kho lạnh để bảo quản ở nhiệt độ t° = 0°C – 2°C, độ ẩm H% = 90 – 95. Sau thời gian bảo quản 30 ngày, kết quả kiểm nghiệm cho thấy tỷ lệ hư hỏng là 9%, tỷ lệ giảm trọng lượng 5% và độ Brix tăng từ 6,05% đến 10,54%. Chi

phí bảo quản 110.000 đồng/ tấn sản phẩm.

- Quy trình bảo quản hoa atiso

Hoa atiso, trước tiên được rửa sạch và chần bằng hơi nước sôi ở nhiệt độ 100°C trong 5 phút, kế đó sôi dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ bảo hoà vào nơi cắt cuống và phun đều dung dịch citric acid 1% vào cụm hoa. Sau đó đưa vào bảo quản trong kho lạnh ở nhiệt độ $t^\circ = 0^\circ\text{C} - 2^\circ\text{C}$, độ ẩm $\text{H}\% = 90 - 95$. Sau thời gian bảo quản 30 ngày kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm. Kết quả kiểm nghiệm cho thấy tỷ lệ hư hỏng là 10%, tỷ lệ giảm trọng lượng 5% và độ Brix tăng từ 5,20% đến 9,24%. Chi phí bảo quản 110.000 đồng/ tấn sản phẩm.

- Quy trình bảo quản khoai tây

Khoai tây sau khi ngủ sinh lý được nhúng vào dung dịch O_3 140 ppm trong 5 phút, kế đó đưa vào kho lạnh để bảo quản ở nhiệt độ $t^\circ = 0^\circ\text{C} - 2^\circ\text{C}$, độ ẩm $\text{H}\% = 90 - 95$, rải đều lên đồng khoai tây các túi vải thưa chứa bột khử ethylen ($\text{KMnO}_4 - \text{CaSiO}_3$), mỗi túi 3 gam, tỷ lệ 0,1%. Sau thời gian bảo quản 3 tháng, kết quả kiểm nghiệm cho thấy tỷ lệ hư hỏng là 3%, tỷ lệ giảm trọng lượng 4% và độ Brix tăng từ 0,75% đến 3,45%. Chi phí bảo quản 169.000 đồng/ tấn sản phẩm.

- Quy trình bảo quản cà rốt

Củ cà rốt, trước tiên được ngâm trong dung dịch O_3 140 ppm trong 5 phút, kế đó đưa ngay vào kho lạnh để bảo quản ở nhiệt độ $t^\circ = 0^\circ\text{C} - 2^\circ\text{C}$, độ ẩm $\text{H}\% = 90 - 95$, rải đều

lên sản phẩm các túi vải thưa chứa bột khử ethylen ($\text{KMnO}_4 - \text{CaSiO}_3$), mỗi túi 3 gam, tỷ lệ 0,1%. Sau thời gian bảo quản 3 tháng kiểm nghiệm sản phẩm, kết quả cho thấy tỷ lệ hư hỏng là 4%, tỷ lệ giảm trọng lượng 5% và độ Brix tăng từ 1,15% đến 4,85%. Chi phí bảo quản 169.000 đồng/ tấn sản phẩm.

- Quy trình bảo quản dâu tây

Quả dâu tây, trước tiên được ngâm trong dung dịch O_3 140 ppm trong 5 phút, kế đó chần với hơi nước sôi trong 3 phút và phun đều vào quả dâu dung dịch chitosan. Sau khi để hong khô trong 3 giờ, đưa vào kho lạnh để bảo quản ở nhiệt độ $t^\circ = 0^\circ\text{C} - 2^\circ\text{C}$, độ ẩm $\text{H}\% = 90 - 95$ trong 30 ngày. Kết quả sau 30 ngày bảo quản cho thấy, tỷ lệ dâu tây bị hư hỏng là 6%, tỷ lệ giảm trọng lượng 4% và độ Brix tăng từ 10,23% đến 15,14%. Chi phí bảo quản 215.000 đồng/ tấn sản phẩm.

Các quy trình bảo quản trên đã được áp dụng thành công tại một số doanh nghiệp trên các đối tượng nông sản. Sản phẩm sau bảo quản được các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường các nước Nhật Bản, Đài Loan,...

Kết quả thành công của đề tài đã góp phần thúc đẩy việc xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm rau của Đà Lạt trên thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới trong thời gian tới. Vừa qua, đề tài đã được Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng nghiệm thu đánh giá cao. ■



NHỮNG HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

TRONG QUÝ 4/2007



Tập huấn nghiệp vụ quản lý và triển khai nhiệm vụ Khoa học Công nghệ cấp huyện



Hội thảo - Triển lãm về công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lâm Đồng năm 2007



Kiểm tra liên ngành chất lượng mũ bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng



Hội thi bình tuyến chuối Laba - đặc sản của tỉnh Lâm Đồng

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ 2006 - 2010



* Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp tăng cường sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập thông qua các hoạt động khoa học và công nghệ.

* Doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế của tỉnh đều có thể tham gia



Nội dung chủ yếu

1. Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KHKT và đổi mới công nghệ.
2. Hỗ trợ ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế ISO, HACCP, GAP, ... và chứng nhận sản phẩm, ...
3. Hỗ trợ phát triển thương hiệu.
4. Nâng cao năng lực dịch vụ kỹ thuật phục vụ doanh nghiệp.



Hướng ưu tiên hỗ trợ

- Sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.
- Sản xuất các sản phẩm trọng điểm: chè, cà phê, rau, hoa, khai khoáng và dịch vụ du lịch, ...

* Đăng ký tham gia chương trình gửi về địa chỉ:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - ĐT: 063.821377 - FAX: 063.824941

* Thông tin chi tiết về chương trình có trên website:

<http://www.dalat.gov.vn/htdn> - <http://www.lamdongdost.gov.vn/htdn>